

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**PHẠM THỊ HỒNG HOA**

**XÂY DỰNG BÁO CÁO BỘ PHẬN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT VÀ  
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH  
THƯƠNG MẠI NAM CƯỜNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN**

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**PHẠM THỊ HỒNG HOA**

**XÂY DỰNG BÁO CÁO BỘ PHẬN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT VÀ  
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH  
THƯƠNG MẠI NAM CƯỜNG**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. LÊ THỊ TÚ OANH

HÀ NỘI - 2016

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các phân tích, số liệu và thông tin sử dụng trong luận văn là hoàn toàn trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

**Tác giả luận văn**

**PHẠM THỊ HỒNG HOA**

## LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến TS. Lê Thị Tú Oanh đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em thực hiện tốt luận văn này.

Em vô cùng biết ơn các Thầy cô trường Đại học Lao Động- Xã hội đã truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong thời gian em học tập, nghiên cứu tại trường.

Em xin chân thành cảm ơn Khoa Kế toán, Khoa Sau đại học- Trường Đại học Lao Động- Xã Hội đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn tới quý Công ty TNHH Thương mại Nam Cường, gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã hỗ trợ, chia sẻ và không ngừng động viên em trong suốt thời gian qua.

**Tác giả Luận văn**

**PHẠM THỊ HỒNG HOA**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	<b>I</b>
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	<b>ii</b>
<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>iii</b>
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	<b>vi</b>
<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU</b> .....	<b>vii</b>
<b>DANH MỤC HÌNH VẼ</b> .....	<b>viii</b>
<b>DANH MỤC SƠ ĐỒ</b> .....	Error! Bookmark not defined.
<b>CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU</b> .....	<b>1</b>
<b>1.1. Lý do chọn đề tài</b> .....	<b>1</b>
<b>1.2. Mục đích nghiên cứu của đề tài</b> .....	<b>2</b>
<b>1.3. Câu hỏi nghiên cứu</b> .....	<b>2</b>
<b>1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài</b> .....	<b>2</b>
1.4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài .....	2
1.4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài .....	2
<b>1.5. Nội dung nghiên cứu của đề tài</b> .....	<b>2</b>
<b>1.6. Phương pháp nghiên cứu của đề tài</b> .....	<b>3</b>
<b>1.7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn</b> .....	<b>6</b>
1.7.1. Ý nghĩa khoa học .....	6
1.7.2. Ý nghĩa thực tiễn .....	6
<b>1.8. Tên và kết cấu luận văn</b> .....	<b>7</b>
<b>TÓM TẮT CHƯƠNG 1</b> .....	<b>8</b>
<b>CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI</b> .....	<b>9</b>
<b>2.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu</b> .....	<b>9</b>
2.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu trên thế giới .....	12

2.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước .....	14
<b>2.2. Một số vấn đề cơ bản về báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động trong các doanh nghiệp thương mại.....</b>	<b>17</b>
2.2.1. Khái niệm, đặc điểm của Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động .....	17
2.2.2. Vai trò của Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.....	28
<b>TÓM TẮT CHƯƠNG 2.....</b>	<b>32</b>
<b>CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM CƯỜNG.....</b>	<b>33</b>
<b>3.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường....</b>	<b>33</b>
3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	33
3.1.2. Hình thức kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường.	38
<b>3.2. Thực trạng lập Báo cáo Bộ phận phục vụ kiểm soát đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường .....</b>	<b>40</b>
3.2.1. Công tác lập kế hoạch.....	40
3.2.2. Khảo sát thực trạng lập báo cáo bộ phận tại doanh nghiệp.....	40
<b>3.3. Đánh giá thực trạng lập báo cáo bộ phận tại công ty .....</b>	<b>48</b>
3.3.1. Ưu điểm.....	48
3.3.2. Tồn tại .....	49
<b>TÓM TẮT CHƯƠNG 3 .....</b>	<b>51</b>
<b>CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>52</b>
<b>4.1. Sự cần thiết phải xây dựng Báo cáo bộ phận tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường.....</b>	<b>52</b>
<b>4.2. Định hướng phát triển của công ty .....</b>	<b>53</b>
4.2.1. Mục tiêu phát triển.....	53
4.2.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	53

<b>4.3. Xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường .....</b>	<b>54</b>
<b>4.4. Điều kiện thực hiện và kiến nghị .....</b>	<b>57</b>
4.4.1. Về phía nhà nước.....	57
4.4.2. Về phía doanh nghiệp .....	58
<b>4.5. Kết luận.....</b>	<b>59</b>
<b>TÓM TẮT CHƯƠNG 4.....</b>	<b>60</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>61</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>63</b>

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Tên chữ viết tắt</b>
BCBP	Báo cáo bộ phận
BCKQKD	Báo cáo kết quả kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
DN	Doanh nghiệp
IAS	International Accounting Standards
IFRS	International Financial Reporting Standards
SFAS	Statement of Financial Accounting Standards
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TM	Thương mại
VAS	Vietnam Accounting Standards



**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1.1: Thông tin về giám đốc và nhân viên kế toán quản trị.....	4
Bảng 1.2: Quy trình phương pháp nghiên cứu .....	5
Bảng 2.1: Mẫu báo cáo bộ phận cho doanh nghiệp thương mại.....	19
Bảng 3.1: Cách thức kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động tại DN.....	41
Bảng 3.2. Cách thức theo dõi Doanh thu tại DN.....	42
Bảng 3.3: Cách thức theo dõi Chi phí tại DN .....	43
Bảng 3.4: Cách thức theo dõi Lợi nhuận tại DN.....	45
Bảng 3.5: Kết quả khảo sát thực trạng lập BCBP của DN .....	46
Bảng 3.6: Kết quả liên quan đến nhà quản trị DN.....	48
Bảng 4.1: Bảng phân loại chi phí doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động.....	55
Bảng 4.2: Báo cáo bộ phận công ty TNHH TM Nam Cường theo lĩnh vực hoạt động.....	56

**DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ**

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ phân bổ chi phí theo từng bộ phận.....	26
Sơ đồ 3.1: Bộ máy quản lý công ty TNHH Thương mại Nam Cường.....	34
Sơ đồ 3.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH TM Nam Cường.....	36
Sơ đồ 3.3: Phần mềm kế toán máy theo hình thức Nhật ký chung .....	39
Hình 3.1: Cách thức theo dõi Doanh thu.....	42
Hình 3.2: Cách thức theo dõi Chi phí trực tiếp .....	44
Hình 3.3: Cách thức theo dõi Chi phí chung.....	44
Hình 3.4: Cách thức theo dõi Lợi nhuận.....	46
Hình 3.5: Chi tiết lập Báo cáo bộ phận.....	47

# CHƯƠNG 1

## GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

### 1.1. Lý do chọn đề tài

Trước xu hướng kinh tế thế giới ngày càng được đa dạng hóa, quốc tế hóa, kinh tế Việt Nam đang vững bước chuyển mình và hội nhập. Để tồn tại và phát triển được, các doanh nghiệp (DN) phải có sự nhạy bén đưa ra những chiến lược, chiến thuật kinh doanh cho mình. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho doanh nghiệp là cần làm gì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng hiệu quả, ổn định và phát triển. Để trả lời được câu hỏi này, các mặt hàng và dịch vụ của DN cung ứng ra thị trường phải đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của khách hàng.

Kế toán quản trị đóng góp một phần quan trọng trong việc cung cấp thông tin, quản lý và đưa ra quyết định cho nhà quản trị. Báo cáo bộ phận là một phần không thể thiếu trong hệ thống kế toán quản trị, cung cấp thông tin về kết quả kinh doanh theo từng bộ phận của doanh nghiệp như lĩnh vực kinh doanh, sản phẩm, khu vực,... giúp nhà quản trị biết được tình hình kinh doanh từng bộ phận như thế nào, có hiệu quả hay không, bộ phận nào hiệu quả nhất, bộ phận nào làm tăng lợi nhuận cho công ty nhiều nhất, bộ phận nào làm giảm lợi nhuận chung của công ty. Những thông tin chi tiết này sẽ rất hữu ích với nhà quản trị trong quản lý và điều hành, ra quyết định tiếp tục duy trì, thúc đẩy hoặc loại bỏ các bộ phận kinh doanh. Với doanh nghiệp kinh doanh đa dạng trong nhiều lĩnh vực thương mại dịch vụ như Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường, báo cáo bộ phận trở thành nội dung cấp thiết để nghiên cứu và xây dựng.

Xuất phát từ tầm quan trọng của Báo cáo bộ phận trong kế toán quản trị của doanh nghiệp, tôi đã chọn đề tài **“Xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ**

**kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường**” dưới sự hướng dẫn của Ts. Lê Thị Tú Oanh làm luận văn thạc sĩ.

## **1.2. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Tìm hiểu cơ sở lý thuyết về Báo cáo bộ phận tại các DN thương mại.

Nghiên cứu thực trạng lập báo cáo bộ phận tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường.

Đánh giá thực trạng, đề xuất những giải pháp nhằm xây dựng hệ thống Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường.

## **1.3. Câu hỏi nghiên cứu**

- Cơ sở lý thuyết về báo cáo bộ phận được quy định như thế nào?
- Báo cáo bộ phận tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường được lập như thế nào?
- Đề xuất gì để xây dựng Báo cáo bộ phận tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường?

## **1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

### **1.4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài**

Xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường thông qua tìm hiểu thực tế về Báo cáo chi phí, doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

### **1.4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung vào nghiên cứu thực trạng Báo cáo bộ phận của Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường năm 2015.

## **1.5. Nội dung nghiên cứu của đề tài**

Luận văn tập trung xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường trên

các nội dung cụ thể như sau: (1) giới thiệu về đề tài nghiên cứu, (2) tổng quan nghiên cứu, hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về Báo cáo bộ phận, (3) đánh giá thực trạng, thảo luận, kết quả, phân tích, nhận biết những tồn tại, hạn chế của nghiên cứu, (4) đưa ra những kết luận, kiến nghị, xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát đánh giá hiệu quả hoạt động tại công ty TNHH Thương mại Nam Cường.

### **1.6. Phương pháp nghiên cứu của đề tài**

Xuất phát từ mục đích và câu hỏi nghiên cứu của luận văn, tác giả sử dụng các phương pháp được sử dụng cho nghiên cứu như sau:

- **Phương pháp thu thập thông tin:** Tác giả thu thập các thông tin thứ cấp thông qua tìm kiếm trên internet, các văn bản quy định, các tài liệu hướng dẫn về Báo cáo bộ phận.

Bên cạnh đó, tác giả thu thập thông tin sơ cấp thông qua khảo sát các đối tượng có liên quan (Phiếu khảo sát Phụ lục 1), cụ thể:

Phần 1: Thực tế lập Báo cáo bộ phận

Phần 2: Sử dụng thông tin kiểm soát

Phần 3: Thông tin cá nhân

Cùng với điều tra bằng phiếu hỏi, tác giả kết hợp sử dụng kỹ thuật phỏng vấn sâu, gọi điện thoại, quan sát trực tiếp, quan sát trực tiếp hệ thống sổ sách, cơ sở vật chất phục vụ công tác thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán.

Tác giả đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, và 02 nhân viên kế toán quản trị để nhận diện, xác định tình hình báo cáo kế toán hiện nay của doanh nghiệp. Thông tin chi tiết về nhà quản trị (ban giám đốc) và kế toán của DN thể hiện trong Bảng 1.1.

Ban giám đốc DN đều là nam, độ tuổi từ 45 đến 55 tuổi; có 01 người trình độ trung cấp, 01 người trình độ đại học; cả 02 người đều chưa từng được

qua đào tạo về kế toán.

Về bộ phận kế toán, 01 kế toán trưởng và 02 kế toán quản trị đều là nữ, độ tuổi từ 22 đến 55. Trình độ gồm 01 đại học, 02 cao đẳng. Kinh nghiệm làm việc từ 01 đến 20 năm.

**Bảng 1.1: Thông tin về giám đốc và nhân viên kế toán quản trị**

<b>I. BAN GIÁM ĐỐC</b>			
	<b>Giám đốc</b>	<b>Phó giám đốc</b>	
1. Giới tính	Nam	Nam	
2. Tuổi	45	55	
3. Trình độ	Đại học	Trung cấp	
4. Đã qua đào tạo về kế toán	Không	Không	
<b>II. KẾ TOÁN</b>			
	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Kế toán quản trị</b>	<b>Kế toán quản trị</b>
1. Giới tính	Nữ	Nữ	Nữ
2. Tuổi	55	22	25
3. Trình độ	Cao đẳng	Cao đẳng	Đại học
4. Kinh nghiệm	20 năm	01 năm	03 năm
5. Kỹ năng	Chủ động	Chưa sáng tạo	Nhanh nhẹn, năng động

**- Phương pháp xử lý và phân tích thông tin**

Sau phỏng vấn bằng phiếu khảo sát, kiểm tra các thông tin và phỏng vấn lại nếu có vấn đề cần làm rõ. Dữ liệu thu được tác giả tổng hợp lại kết quả, so sánh, phân tích theo bảng và biểu đồ trên excel.

**- Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia**

Tham vấn ý kiến chuyên gia sẽ được thực hiện thông qua tham vấn ý kiến của các chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu về lý luận (các chuyên

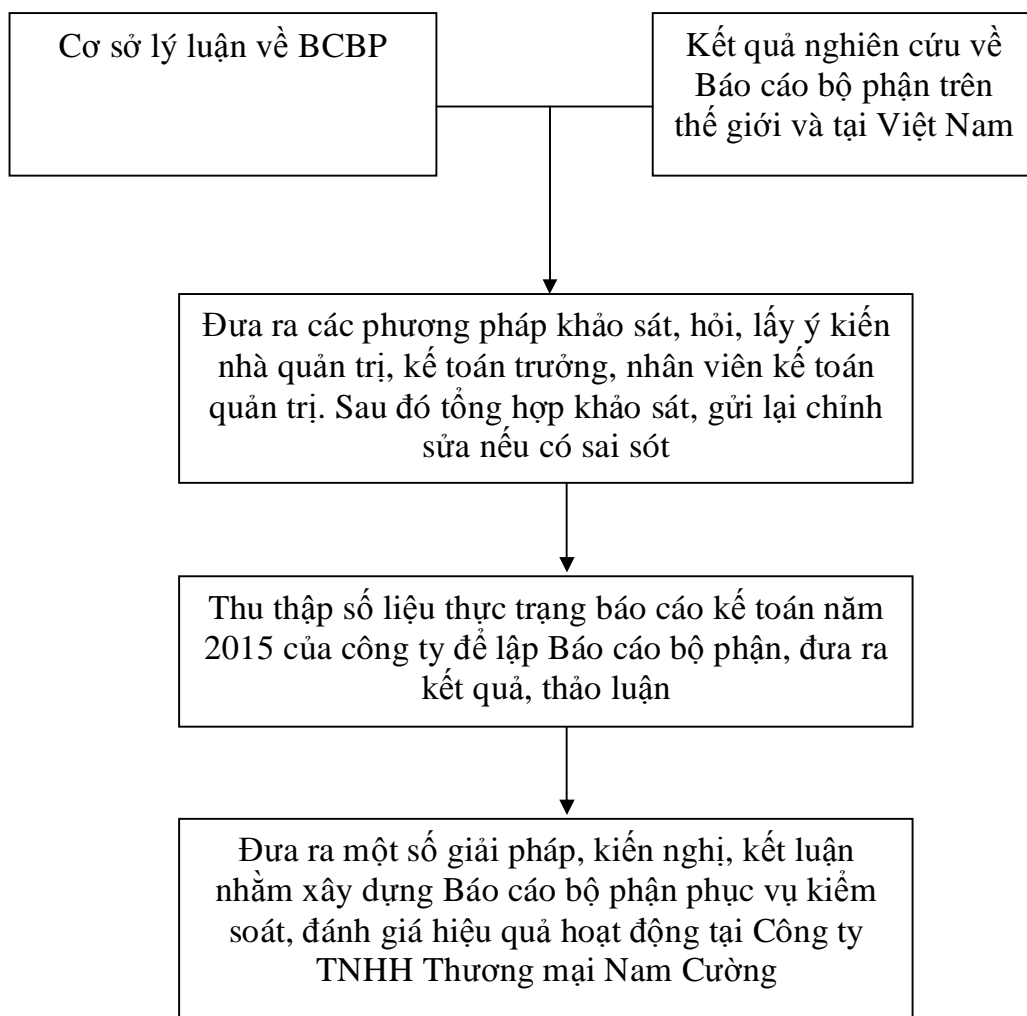
gia là nhà nghiên cứu có am hiểu sâu sắc về Báo cáo bộ phận) để hình thành hệ thống lý luận về xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH Thương mại Nam Cường.

Về thực tiễn, tác giả tập trung lấy ý kiến từ nhà quản trị, trưởng phòng kế toán, kế toán viên để nghiên cứu thực trạng và xây dựng Báo cáo bộ phận- vấn đề nhà quản trị đang quan tâm, mong muốn để cung cấp thông tin hữu ích, ra quyết định kinh doanh.

#### - Cách tiếp cận cách nội dung nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, tác giả thực hiện việc nghiên cứu theo quy trình sau:

**Bảng 1.2: Quy trình phương pháp nghiên cứu**



Tác giả xác định các nội dung, tiến hành các phương pháp nghiên cứu, khảo sát, tìm hiểu thực trạng, tình hình thực tế tại doanh nghiệp. Cụ thể, tác giả đã gửi phiếu khảo sát đến Ban lãnh đạo và phòng kế toán của doanh nghiệp gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, 02 nhân viên kế toán quản trị. Ngoài ra, tác giả có gọi điện thoại, gặp trực tiếp để làm rõ vấn đề liên quan đến nghiên cứu.

Quy trình phân tích, xử lý dữ liệu như sau:

Bước 1: Tổng hợp dữ liệu vào cùng file excel theo các câu hỏi cơ bản đã đặt ra. Các câu trả lời linh hoạt đưa riêng mục để mã hóa sau.

Bước 2:

- Đọc qua toàn bộ file dữ liệu
- Thống kê theo số lượng, tỷ lệ của các câu hỏi, vẽ đồ thị, biểu đồ ghi nhận trong phần kết quả.

Bước 3: Các câu hỏi mở, tác giả lọc tìm thông tin thống nhất để đánh giá. Sau đó, tóm lược những kết quả đạt được, thảo luận.

Từ những đặc điểm này, tác giả tổng kết, kết luận, mạnh dạn đề xuất các giải pháp xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả phù hợp với công ty.

## **1.7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

### ***1.7.1. Ý nghĩa khoa học***

Tổng quan các nghiên cứu về báo cáo bộ phận của một số quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam.

Khái quát các lý luận về báo cáo bộ phận và kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động trong DN.

### ***1.7.2. Ý nghĩa thực tiễn***

Đánh giá về thực trạng báo cáo bộ phận tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường.



Đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm xây dựng báo cáo bộ phận tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường.

### **1.8. Tên và kết cấu luận văn**

Tên luận văn: ***“Xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường”***.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được trình bày theo kết cấu gồm có 4 chương :

*Chương 1:Giới thiệu đề tài nghiên cứu*

*Chương 2:Tổng quan nghiên cứu và một số vấn đề cơ bản về Báo cáo bộ phận trong các doanh nghiệp thương mại*

*Chương 3:Thực trạng về BCBP tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường*

*Chương 4:Kết luận và khuyến nghị*

## TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Trong chương 1 của luận văn, tác giả đã giới thiệu đề tài nghiên cứu, đưa ra lý do chọn đề tài, mục đích, câu hỏi nghiên cứu trong đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu như: thu thập thông tin; xử lý, phân tích thông tin; nghiên cứu tình huống; lấy ý kiến chuyên gia, và nêu ra ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn của luận văn. Qua đó, tác giả lấy làm tiền đề cho đề tài nghiên cứu: “Xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường”.

## **CHƯƠNG 2**

# **TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI**

### **2.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu**

Quy định về báo cáo bộ phận trong chuẩn mực là một trong những cơ sở để thiết lập nên báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp phục vụ cho nhà quản trị. Báo cáo bộ phận phục vụ cho các đối tượng bên ngoài được quy định theo IFRS 8, VAS 28. Đây cũng là cơ sở cho nhà quản trị ra quyết định. Tuy nhiên, báo cáo bộ phận phục vụ cho nhà quản trị sẽ linh hoạt, tùy vào yêu cầu của nhà quản trị và không bị chi phối bởi quy định phạm vi bộ phận như trong chuẩn mực.

Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu về báo cáo bộ phận và việc lập báo cáo bộ phận trong các doanh nghiệp thương mại đang trở thành nhóm đề tài thu hút đông đảo các nhà nghiên cứu tham gia ở cả trên thế giới và ở cả Việt Nam. Luận văn này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu vào việc lập Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả tại công ty TNHH Thương mại Nam Cường thông qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước.

Cùng với sự phát triển không ngừng, mở rộng quy mô, đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, hoạt động, các yêu cầu về thông tin kế toán cũng thay đổi theo. Với các đặc thù này, nhà đầu tư nhận ra rằng họ không thể đánh giá đầy đủ tình hình kinh doanh, hoạt động của DN nữa, các Báo cáo tài chính thông thường không thể giúp họ đánh giá chi tiết được từng loại hình kinh doanh, hoạt động. Do vậy, quy định về khuyến khích công bố thông tin của

báo cáo bộ phận lần đầu tiên đã được ban hành bởi Ban Nguyên tắc kế toán thuộc Viện Kế toán công chứng Hoa Kỳ (AICPA) vào tháng 9 năm 1967. Dựa trên văn bản này, vào năm 1969, Ủy ban chứng khoán Hoa Kỳ yêu cầu các công ty phải trình bày thông tin hoạt động kinh doanh trong các giấy tờ niêm yết của doanh nghiệp. Năm 1970, Ủy ban này mở rộng việc trình bày các thông tin trong biểu mẫu báo cáo thường niên 10K dành cho các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tháng 12 năm 1974, Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASC) ban hành một bản dự thảo của chuẩn mực về báo cáo tài chính hợp nhất, tất cả các công ty nộp báo cáo cho SEC đều phải trình bày các thông tin này trong báo cáo thường niên.

Tiếp đó, chuẩn mực kế toán tài chính Hoa Kỳ SFAS 14 về “Báo cáo tài chính cho bộ phận kinh doanh” được Ủy ban chuẩn mực kế toán Hoa Kỳ ban hành lần đầu vào năm 1976 đã mở rộng yêu cầu trình bày đối với các thông tin bộ phận. Đây là chuẩn mực kế toán đầu tiên liên quan đến báo cáo về thông tin bộ phận, yêu cầu các công ty đa ngành phải công bố thông tin về báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Sau đó, quy định này đã được thay thế bởi SFAS 131 vào năm 1997 với những quy định cơ bản về phương pháp xác định báo cáo bộ phận (lĩnh vực hoạt động), khoản mục BCTC riêng cho từng bộ phận và thông tin tài chính cho mỗi bộ phận.

Tháng 3 năm 1980, Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành ED E15 về “ báo cáo thông tin tài chính bộ phận”. Đây là bản dự thảo dựa trên SFAS 14 của Hoa Kỳ, là phương pháp tiếp cận rủi ro có được. Việc đưa ra các quyết định dựa trên cơ sở chính là sự phân chia theo sản phẩm, dịch vụ hoặc theo khu vực địa lý.

Đến tháng 8 năm 1981, Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành chuẩn mực kế toán quốc tế về báo cáo bộ phận IAS 14

Ngày 19 tháng 1 năm 2006, Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế đã ban hành dự thảo IFRS 8 về “Bộ phận hoạt động” thay thế cho IAS 14. Sự khác biệt giữa IAS 14 và bản dự thảo này là phương pháp tiếp cận rủi ro và lợi ích theo hướng quản trị. Đồng thời, nó yêu cầu doanh nghiệp phải báo cáo thông tin về doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh, khu vực địa lý, tài sản và những khách hàng lớn mà công ty đang nắm giữ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, IFRS 8 chính thức được ban hành thay thế Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 14 và có nội dung tương đối đồng nhất với SFAS 131 của Hoa Kỳ. Chuẩn mực này có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2009, là cơ sở nền tảng cho các quốc gia ban hành chuẩn mực riêng cho mình về báo cáo bộ phận.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế đó, Việt Nam đã ban hành Chuẩn mực kế toán số 28 về báo cáo bộ phận – VAS 28 vào năm 2005 dựa trên cơ sở IAS 14 làm nền tảng và chưa có những cập nhật theo IFRS 8. Với việc quy định nguyên tắc và phương pháp thiết lập các thông tin tài chính theo bộ phận: lĩnh vực kinh doanh, khu vực địa lý, VAS 28 đã đánh dấu nỗ lực quan trọng của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế, giúp các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá rủi ro, lợi ích kinh tế và có những nhận xét, cái nhìn toàn diện hơn về doanh nghiệp.

Mặc dù ra đời từ năm 2005 nhưng việc áp dụng VAS 28 trong các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Ngày 15 tháng 01 năm 2010, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư hướng dẫn số 09/2010/TT-BTC của bộ tài chính “Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” quy định các công ty đại chúng, DN có chứng khoán trao đổi công khai, DN đang phát hành chứng khoán trên thị trường chứng khoán phải có báo cáo bộ phận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 trong Thuyết minh báo cáo tài chính. Tuy nhiên, đến ngày 05 tháng 04 năm 2012, Bộ tài chính ra Thông tư số 52/2012/TT-

BTC “Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”, Ủy ban chứng khoán yêu cầu bắt buộc các doanh nghiệp phải công bố thông tin về báo cáo bộ phận trong thuyết minh báo cáo tài chính năm 2011 hoặc giải trình lý do không có báo cáo bộ phận thì các doanh nghiệp đó mới thực sự chú ý đến nội dung này.

Ngoài ra, các doanh nghiệp không trao đổi công khai, không đang phát hành chứng khoán trên thị trường chứng khoán có thể không lập báo cáo bộ phận theo mẫu quy định trong VAS 28. Các doanh nghiệp này có thể tùy theo yêu cầu, nhu cầu, mong muốn của nhà quản trị để lập báo cáo bộ phận riêng phù hợp với đặc thù kinh doanh theo lĩnh vực, khu vực địa lý cho mình.

### ***2.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu trên thế giới***

Nghiên cứu về báo cáo bộ phận trên thế giới có rất nhiều tác giả quan tâm. Như Ijiri (1995) đã đưa ra quan điểm: “Báo cáo bộ phận là các số liệu tài chính riêng của các đơn vị, công ty con, hoặc những bộ phận khác nhau của một công ty”. Đối tượng sử dụng thông qua báo cáo bộ phận sẽ tìm hiểu được những thông tin chi tiết, cốt lõi, toàn diện hơn. Tất cả các công ty niêm yết phải công bố lợi nhuận, chi phí bộ phận và các thông tin liên quan như doanh thu nội bộ, doanh thu bên ngoài, các khoản mục không dùng tiền mặt, thu nhập và chi phí,...

Cùng với quan điểm đó, theo những nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP) lại cho rằng: “Báo cáo bộ phận là báo cáo của các bộ phận hoạt động của một công ty trong việc trình bày kèm theo báo cáo tài chính của nó”. Báo cáo bộ phận cần thiết cho các công ty đại chúng, trao đổi công khai, phát hành chứng khoán, không cần thiết cho các công ty tư nhân. Báo cáo bộ phận thiết kế để cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư, chủ nợ liên quan đến kết quả tài chính của công ty. Họ có thể căn cứ vào thông tin bộ phận để đưa ra những nhận định, quyết định liên quan đến công ty. Ngoài ra, việc xác định

các thông tin này phục vụ đánh giá kết quả hoạt động và phân bổ nguồn lực cho hợp lý.

Trong khi đó, các nghiên cứu khác đã phân nghiên cứu về mức độ tuân thủ và các yếu tố ảnh hưởng của chúng đến việc trình bày báo cáo bộ phận như:

*Pedro Nuno Pardal and Ana Isabel Morais - “Segment Reporting Under IFRS8 – Evidence From Spanish Listed Firms” (2010).* Thông qua việc thu thập báo cáo thường niên năm 2009 của 150 công ty niêm yết tại Tây Ban Nha. Nghiên cứu nhằm mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc trình bày báo cáo bộ phận và khảo sát mức độ tuân thủ việc trình bày báo cáo bộ phận theo IFRS 8 của các công ty niêm yết này. Kết quả nghiên cứu đã cho rằng 79% các công ty niêm yết tại Tây Ban Nha tuân thủ việc trình bày BCBP theo lĩnh vực kinh doanh. Chỉ có một tỷ lệ nhỏ là 7.6% các công ty không trình bày báo cáo bộ phận do các công ty này chỉ có duy nhất một bộ phận. Nghiên cứu kết luận rằng, quy mô doanh nghiệp càng lớn càng trình bày nhiều thông tin báo cáo bộ phận hơn, khả năng sinh lợi càng cao mức độ trình bày báo cáo bộ phận càng thấp.

*Samuel Jebaraj Benjamin, Saravanan Muthaiyah, M. Srikamaladevi Marathamuthu, Uthiyakumar Murugaiah - “A Study of Segment Reporting Practices: A Malaysian Perspective” (2010).* Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để khảo sát một số công ty lớn trong 5 lĩnh vực kinh doanh năm 2007 và 2008 tại Malaysia gồm: Điện thoại viễn thông, nước giải khát, truyền thông, in ấn, truyền thông điện tử và tiện ích xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ các công ty không trình bày báo cáo bộ phận cũng khá cao. Ngoài ra, các công ty có tỷ suất lợi nhuận cao cũng chính là các công ty không trình bày báo cáo bộ phận. Nghiên cứu cũng đã đề cập một số giải pháp để khắc phục tình trạng không trình bày báo cáo bộ phận tại nước này.

*Mishari M. Alfaraih and Faisal S. Alanezi - “What Explains Variation In Segment Reporting? Evidence From Kuwait” (2011).* Mục đích nghiên cứu này đánh giá mức độ thực hiện báo cáo bộ phận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Kuwait và các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ trình bày báo cáo bộ phận. Mức độ công bố thông tin dựa trên các yêu cầu bắt buộc của IAS 14. Nghiên cứu khảo sát 123 công ty niêm yết tại Kuwait năm 2008 cho thấy, mức độ tuân thủ quy định về báo cáo bộ phận trung bình là 56%. Các công ty có quy mô lớn, hoạt động lâu năm, có đòn bẩy tài chính cao, có khả năng sinh lời lớn, và có kiểm toán được thực hiện bởi các công ty kiểm toán thuộc nhóm Big 4 thì có mức độ trình bày thông tin bộ phận cao hơn các công ty khác.

### **2.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước**

Bên cạnh các quan điểm của thế giới về báo cáo bộ phận, tác giả Trần Thị Thúy An trong luận văn nghiên cứu thực trạng và giải pháp hoàn thiện trình bày và công bố báo cáo bộ phận của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh lại quan điểm: “Báo cáo bộ phận là báo cáo trình bày chi tiết về những thông tin kinh tế tài chính cần thiết, mang tính trọng yếu, ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng báo cáo tài chính mà đã được công bố số liệu tổng quát trước đó”.

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 (VAS 28) cũng đã đưa ra định nghĩa như sau: “Báo cáo bộ phận là báo cáo về các thông tin tài chính theo bộ phận, lĩnh vực kinh doanh và các khu vực địa lý khác nhau của DN nhằm hỗ trợ người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ tình hình hoạt động các năm trước của DN; đánh giá đúng về những rủi ro và lợi ích kinh tế của DN; đưa ra những đánh giá hợp lý về DN”.

Ngoài ra, Việt Nam còn có những công trình nghiên cứu về Báo cáo bộ phận, nhưng mỗi nghiên cứu lại đề cập trên một phương diện khác nhau như:



*Phạm Thị Thủy (2013)- “Trình bày và sử dụng thông tin về báo cáo bộ phận theo VAS 28 tại các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”*. Nghiên cứu đã bổ sung thêm cho việc nghiên cứu về thực trạng lập báo cáo bộ phận trong các doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là qua các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát báo cáo tài chính năm 2012 của 30 công ty có giá trị vốn hóa và tính thanh khoản cao nhất trên thị trường chứng khoán thuộc danh mục rổ VN30 áp dụng từ ngày 22/7/2013 để phân tích. Và kết quả khảo sát cho thấy: 12 công ty (chiếm 40%) không trình bày báo cáo bộ phận, 13 công ty (chiếm 43,3%) trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, bốn công ty (chiếm 13,3%) trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và một công ty trình bày báo cáo bộ phận không theo lĩnh vực kinh doanh cũng như khu vực địa lý, mà là theo các đơn vị trực thuộc. Nghiên cứu này cho thấy, việc lập Báo cáo bộ phận trong các doanh nghiệp hiện nay còn chưa có, hay có lập thì còn nhiều doanh nghiệp lập chưa đúng theo quy định.

*Lê Thị Tú Oanh và Phạm Thị Hồng Hoa (2016)- “Công bố thông tin về báo cáo bộ phận trong các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”*. Nghiên cứu đã lấy mẫu 60 doanh nghiệp để làm rõ hơn về thực trạng công bố thông tin về báo cáo bộ phận- vấn đề bắt buộc của công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, và những bất cập trong quy định của chuẩn mực kế toán “ Báo cáo bộ phận” VAS 28. Kết quả là có 39 doanh nghiệp công bố thông tin về báo cáo bộ phận, chiếm tỷ lệ 65%; 21 doanh nghiệp không công bố, chiếm 35%. Trong số 39 doanh nghiệp có trình bày báo cáo bộ phận, báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là 20 đơn vị, chiếm 33%, theo khu vực địa lý là 7, chiếm 12%, còn lại 12 đơn vị trình bày báo cáo cả theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, tương ứng 20%. Các doanh nghiệp lập Báo cáo bộ phận còn một số thực trạng như: xác định bộ

phận để lập báo cáo còn thiếu đồng nhất giữa các bộ phận, chỉ tiêu báo cáo bộ phận thiếu thống nhất và chưa đáp ứng yêu cầu trong VAS 28 cũng như kỳ vọng của nhà đầu tư, hay số liệu báo cáo còn thiếu tính so sánh theo năm.

*Nguyễn Thị Phương Thúy (2010) - “Hoàn thiện báo cáo bộ phận trong kế toán Việt Nam theo hướng phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế”*. Luận văn đã chọn mẫu 118 doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM có BCTC niêm yết năm 2010. Kết quả cho thấy có mối liên hệ giữa khả năng sinh lời với việc trình bày thông tin BCBP. Những công ty có khả năng sinh lời thấp sẽ sẵn sàng cung cấp nhiều thông tin về BCBP hơn. Bằng phương pháp thống kê mô tả và kiểm định các giả thiết đưa ra, luận văn đã đưa ra nhiều bất cập và hạn chế, các công ty lập BCBP đa phần chỉ nhằm mục đích đối phó với quy định của chuẩn mực. Việc trình bày BCBP chưa thật sự nhằm mục đích đánh giá đúng tình hình thực tế của doanh nghiệp. Ngoài ra, luận văn đã đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cung cấp thông tin bộ phận cho các doanh nghiệp Việt Nam.

*Trần Thị Thúy An (2013) - “Thực trạng và giải pháp hoàn thiện trình bày và công bố báo cáo bộ phận của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM”*. Tác giả đã khảo sát 308 công ty có niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2012, xác định các nhân tố có ảnh hưởng đến việc trình bày báo cáo bộ phận theo VAS 28 và lý do các doanh nghiệp không công bố thông tin bộ phận. Kết quả cho thấy có sự tỷ lệ thuận giữa quy mô công ty với chất lượng công ty kiểm toán và đòn bẩy tài chính. Và ngược lại có sự tỷ lệ nghịch giữa quyền sở hữu của cổ đông nhỏ với chất lượng công ty kiểm toán và đòn bẩy tài chính. Từ đó, luận văn đã kết luận những nguyên nhân tồn tại trong việc thực thi VAS 28 cũng như những hạn chế cần được cải tiến trong khuôn khổ pháp lý ở Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng và số lượng thông tin bộ phận được cung cấp.

Các nghiên cứu trên đây đa phần là nghiên cứu lập BCBP theo VAS 28 trong phạm vi các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán, việc lập, xác định các chỉ tiêu, nhân tố ảnh hưởng đến lập BCBP của các DN này. Ngoài ra, các nghiên cứu về BCBP trong phạm vi phục vụ mục đích quản trị trong các DN thông thường theo sự tìm hiểu và được biết đến của tác giả là chưa có.

Như vậy, các khái niệm, quan điểm về báo cáo bộ phận trong nước và ngoài nước ở trên cho thấy báo cáo này được lập nhằm nâng cao nhu cầu cung cấp thông tin cho người sử dụng, hỗ trợ đánh giá, ra quyết định cho đối tượng sử dụng thông tin tài chính của doanh nghiệp. Những khái niệm này chủ yếu dựa theo mục đích báo cáo hướng đến. Theo quan điểm của tác giả, tác giả cho rằng: “ Báo cáo bộ phận là báo cáo của các đơn vị, các mặt hoạt động, các khu vực địa lý trong một tổ chức doanh nghiệp mà qua đó nhà quản trị có thể xem xét, kiểm soát, đánh giá hiệu quả kinh doanh, hoạt động đối với những bộ phận đó”.

## **2.2. Một số vấn đề cơ bản về báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động trong các doanh nghiệp thương mại**

### ***2.2.1. Khái niệm, đặc điểm của Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động***

#### ***2.2.1.1. Khái niệm***

+ Bộ phận có thể định nghĩa là một phần, một mặt hoạt động, một đơn vị hay một phòng ban thuộc một tổ chức công ty cùng hoạt động vì mục tiêu chung mà người quản lý tìm số liệu chi phí và thu nhập. Ví dụ các bộ phận có thể là các lĩnh vực tiêu thụ, các cửa hàng, trung tâm dịch vụ, phân xưởng sản xuất hay các dây chuyền sản xuất... (*Nguồn [www.cimaglobal.com](http://www.cimaglobal.com)*)

- Báo cáo bộ phận là báo cáo của các đơn vị, các mặt hoạt động, các khu vực địa lý trong một tổ chức doanh nghiệp mà qua đó nhà quản trị có

thể xem xét, kiểm soát, đánh giá hiệu quả kinh doanh, hoạt động đối với những bộ phận đó.

### 2.2.1.2. Đặc điểm của Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận có những đặc điểm sau:

- + Báo cáo bộ phận lập theo cách ứng xử của chi phí.
- + Báo cáo bộ phận được lập ở nhiều mức độ hoạt động hoặc nhiều phạm vi khác nhau.
- + Báo cáo bộ phận cấp cao hơn càng giảm dần chi tiết.
- + Trên báo cáo bộ phận, ngoài những khoản Chi phí trực tiếp phát sinh ở bộ phận mà nhà quản lý bộ phận đó kiểm soát được, gồm những khoản chi phí chung khác được cấp quản lý cao hơn phân bổ.
- + Báo cáo bộ phận được lập nhằm mục đích sử dụng trong nội bộ tổ chức. (Nguồn [www.cimaglobal.com](http://www.cimaglobal.com))

### 2.2.1.3. Một số khái niệm được sử dụng trong Báo cáo bộ phận

- Chi phí biến đổi: Là những mục chi phí thay đổi tỷ lệ với mức độ hoạt động của đơn vị. Tổng số của chi phí biến đổi sẽ tăng khi mức độ hoạt động tăng. Tuy nhiên, nếu tính trên 1 đơn vị của mức độ hoạt động thì chi phí biến đổi lại không đổi. (Nguồn <https://voer.edu.vn>)

Ví dụ: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí xăng dầu chạy xe, chi phí hoa hồng cho nhân viên bán xe,...

- Chi phí cố định: Là những chi phí mà tổng số của nó không đổi khi mức độ hoạt động thay đổi. (Nguồn <https://voer.edu.vn>)

Ví dụ: Chi phí khấu hao máy móc thiết bị quản lý, cơ sở hạ tầng, chi phí tuyên truyền quảng cáo,....

- Chi phí hỗn hợp: Là chi phí bao gồm cả yếu tố cố định và biến đổi. Trong báo cáo bộ phận, chi phí này cần được phân tích thành hai phần: biến đổi và cố định. (Nguồn <https://voer.edu.vn>)

Ví dụ : Chi phí điện thoại là chi phí hỗn hợp. Trong đó: cố định là chi phí thuê bao cố định hàng tháng, biến đổi là mức phí điện thoại tính trên số lần gọi.

- Lãi gộp: Là chênh lệch giữa doanh thu và biến đổi. Lãi gộp sau khi trừ đi chi phí cố định, phần dôi ra chính là lợi nhuận bộ phận. Chỉ tiêu này có ý nghĩa quan trọng trong việc dự đoán mức thay đổi của lợi nhuận khi thay đổi số lượng sản phẩm tiêu thụ với một đơn giá bán và chi phí biến đổi đơn vị không đổi. (Nguồn <https://vi.wikipedia.org>)

#### 2.2.1.4. Nội dung, hình thức của Báo cáo bộ phận

Hiện nay, các doanh nghiệp thương mại, đặc biệt là công ty TNHH Thương mại Nam Cường kinh doanh nhiều lĩnh vực như: kinh doanh taxi, kinh doanh bán xe vận tải, kinh doanh chạy xe bus,.. việc lập báo cáo bộ phận theo từng lĩnh vực sẽ giúp nhà quản trị đánh giá được hiệu quả của mỗi bộ phận trong tổng kết quả chung toàn doanh nghiệp là bao nhiêu, để từ đó có các biện pháp, quyết định quản trị phù hợp.

Sau đây là mẫu báo cáo bộ phận cho doanh nghiệp thương mại theo lĩnh vực kinh doanh:

**Bảng 2.1: Mẫu báo cáo bộ phận cho doanh nghiệp thương mại**

#### **BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Bộ phận kinh doanh			
	A	B	...	Toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu				
2. Trừ chi phí biến đổi				
3. Lãi gộp				
4. Trừ chi phí cố định bộ phận				
5. Lợi nhuận bộ phận				
6. Trừ chi phí cố định chung				

7. Lợi nhuận thuần				
--------------------	--	--	--	--

*(Nguồn tác giả tổng hợp)*

Bảng Báo cáo bộ phận trình bày Doanh thu bộ phận trừ đi các chi phí biến đổi tạo thành lãi gộp. Sau đó, lãi gộp trừ đi các chi phí cố định bộ phận còn lại là lợi nhuận bộ phận. Các chi phí biến đổi trình bày các khoản mục chi phí trực tiếp tạo ra doanh thu gắn liền với từng bộ phận hơn là tổng thể toàn doanh nghiệp. Chi phí cố định bộ phận là các chi phí gián tiếp tạo ra doanh thu của bộ phận. Chi phí cố định chung là các chi phí gắn liền với tổng thể toàn doanh nghiệp, không phục vụ riêng lẻ nguyên bộ phận nào. Chúng ta biết rằng báo cáo bộ phận được lập nhằm mục đích quản trị, kiểm soát, đánh giá hiệu quả từng hoạt động cũng như trong tổng thể nên tùy thuộc vào tình hình cụ thể, đặc điểm, yêu cầu quản lý, đánh giá trách nhiệm, của từng doanh nghiệp mà có thể sử dụng thích hợp, nếu không tìm ra tiêu thức phân bổ thì không nhất thiết phải phân bổ. Ngược lại, nếu ta có thể xác định được một hay một số tiêu thức thích hợp thì nên phân bổ chi phí chung này.

Bảng báo cáo bộ phận được lập dựa trên cách phân loại chi phí theo từng bộ phận là một bảng phân tích hữu hiệu đối với người quản lý. Theo cách này chỉ có Chi phí biến đổi và Chi phí cố định bộ phận mới được tính cho các bộ phận để xác định lợi nhuận. Do vậy, Báo cáo bộ phận giúp cho nhà quản trị công ty có khả năng tự xem xét tình hình kinh doanh từ nhiều hướng, toàn diện hơn.

Một số cách chia bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, khu vực địa lý như:

- Theo phân xưởng
- Theo lĩnh vực kinh doanh
- Theo trung tâm dịch vụ

- Theo sản phẩm hay dây chuyền sản xuất
- Theo khu vực bán hàng
- Theo các hoạt động trong nước hoặc ngoài nước
- Theo cửa hàng hoặc các gian hàng bán lẻ,...

#### 2.2.1.5. *Hạch toán chi phí phục vụ lập Báo cáo bộ phận*

##### *a. Hạch toán chi phí phục vụ lập Báo cáo bộ phận*

Chi phí bộ phận: Là chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận đó và phần chi phí của doanh nghiệp được phân bổ cho bộ phận đó, bao gồm cả chi phí bán hàng ra bên ngoài và chi phí có liên quan đến những giao dịch với bộ phận khác của doanh nghiệp.

Chi phí bộ phận không bao gồm:

- + Chi phí khác;
- + Chi phí tiền lãi vay, kể cả tiền lãi phải trả phát sinh đối với khoản tiền ứng trước hoặc tiền vay từ các bộ phận khác, trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính;
- + Lỗ từ việc bán các khoản đầu tư hoặc lỗ từ việc xoá nợ, trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính;
- + Phần sở hữu của doanh nghiệp trong khoản lỗ của bên nhận đầu tư do đầu tư vào các công ty liên kết, công ty liên doanh hoặc các khoản đầu tư tài chính khác được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu;
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Chi phí hành chính chung và các chi phí khác phát sinh liên quan đến toàn bộ doanh nghiệp.

Các chi phí doanh nghiệp chi hộ bộ phận được coi là chi phí bộ phận nếu chi phí đó liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của bộ phận và những chi phí này có thể được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. (Theo VAS 28)

Các chi phí để tính lợi nhuận chung phát sinh khi cùng một nguồn lực được sử dụng để sản xuất hai hay nhiều sản phẩm dịch vụ được coi như là các chi phí chung. Các chi phí chung này có thể liên quan đến giai đoạn sản xuất, các loại hình kinh doanh, trách nhiệm cá nhân, khu vực bán hàng, các cấp độ khách hàng,... Sự phức tạp của các doanh nghiệp hiện đại đã đòi hỏi kế toán phải phân bổ các chi phí của bộ phận phục vụ cho bộ phận sản xuất, kinh doanh chính. Phân bổ chi phí đơn giản là phương pháp chia nhỏ một lượng lớn chi phí và đưa những chi phí đã được chia vào các khoản mục nhỏ khác nhau.

Ta thấy rằng phân bổ chi phí không ảnh hưởng đến tổng chi phí. Tổng chi phí không thay đổi khi phân bổ. Tuy nhiên, các khoản chi phí được đưa vào các bộ phận có thể chịu ảnh hưởng bởi thủ tục, tiêu thức phân bổ được lựa chọn. Bởi vì, phân bổ chi phí có thể ảnh hưởng đến giá dự thầu, khả năng sinh lời của sản phẩm, dịch vụ riêng biệt, và hành động, quyết định của nhà quản lý. Đây là nội dung rất quan trọng. Ví dụ, lương trả cho bảo vệ tại doanh nghiệp chính là chi phí chung của tất cả các sản phẩm, dịch vụ khác nhau được tạo ra tại đó. Lợi ích của việc bảo vệ được tính cho từng sản phẩm, nhưng việc tính chi phí bảo vệ cho từng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ lại là quá trình tùy ý. Mặt khác, trong khi rõ ràng là sản phẩm hay dịch vụ yêu cầu các nguồn lực chung và các chi phí nguồn lực này cần được phân bổ cho các đối tượng chi phí, nhưng không thể biết được phân bổ như thế nào là tốt nhất. Thông thường, tính toán các chi phí chung được thực hiện thông qua một loạt các thủ tục phân bổ chi phí.

*b. Sự cần thiết phải phân bổ chi phí của bộ phận phục vụ*

Các bộ phận trong tổ chức chia thành 2 nhóm:

+ Nhóm bộ phận hoạt động chức năng: Đơn vị thực hiện các mục tiêu trọng tâm của tổ chức



+ Nhóm bộ phận phục vụ: Đơn vị không gắn một cách trực tiếp với hoạt động chức năng nhưng hoạt động của chúng cần thiết cho các bộ phận trực tiếp.

Hoạt động của bộ phận phục vụ cần thiết cho các hoạt động chức năng trong doanh nghiệp. Và phân bổ chi phí hợp lý ảnh hưởng đến xác định kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận này.

( Nguồn <https://prezi.com> )

### c. Nguyên tắc phân bổ chi phí

Phân bổ tất cả chi phí vào sản phẩm, dịch vụ, cả chi phí sản xuất và phi sản xuất cho từng đối tượng tập hợp chi phí (bộ phận chính, sản phẩm, khách hàng....)

Quy trình phân bổ chi phí được thực hiện theo 5 bước:

- + Xác định hoạt động cơ bản, nhóm chi phí, đơn vị đo lường hoạt động của bộ phận
- + Tập hợp chi phí (biến đổi, cố định) theo từng bộ phận
- + Tính tỷ lệ phân bổ chi phí cho từng bộ phận phụ
- + Phân bổ chi phí cho bộ phận chính
- + Lập báo cáo

Căn cứ phân bổ là chỉ tiêu đo lường mức hoạt động, mức sử dụng dịch vụ, có vai trò như là một yếu tố chủ yếu của bộ phận hoạt động đó. Căn cứ phân bổ này được chọn càng thích hợp thì phản ánh càng chính xác lợi ích mà các bộ phận khác nhau của cùng một tổ chức được nhận từ bộ phận phục vụ

Tiêu chuẩn lựa chọn:

- + Mức lợi ích trực tiếp mà các bộ phận phục vụ đem lại
- + Diện tích hoặc mức trang bị của bộ phận hoạt động chức năng
- + Rõ ràng, không phức tạp

Chi phí được phân bổ không theo số lượng sản xuất, chia 5 mức:

- + Đơn vị: tính trên 1 phần sản phẩm tạo ra (năng lượng tiêu thụ,...)
  - + Đơn hàng: tính theo từng đơn hàng (chi phí đặt hàng, cài máy, chuẩn bị giao hàng,...)
  - + Sản phẩm: tính theo từng sản phẩm (thiết kế, quảng cáo, duy trì quản lí,...)
  - + Khách hàng: tính theo từng khách hàng (bán hàng, gửi thư, hỗ trợ kĩ thuật,...)
  - + Duy trì tổ chức: các công việc khác (dọn văn phòng, chuẩn bị báo cáo...)
- (Nguồn [www.cimaglobal.com](http://www.cimaglobal.com))*

#### *d. Phân bổ chi phí theo cách ứng xử*

Hình thức phân bổ chi phí của bộ phận phục vụ:

- + Phân bổ trực tiếp: Phân bổ trực tiếp chi phí bộ phận phục vụ cho các bộ phận chức năng, không phân bổ cho các bộ phận phục vụ khác.
- + Phân bổ nhiều bước: Phân bổ chi phí bộ phận phục vụ cho các bộ phận phục vụ khác và các bộ phận chức năng.

Chi phí của bộ phận phục vụ được tách ra thành chi phí cố định, chi phí biến đổi

Chi phí phân bổ là chi phí dự toán:

- + Chi phí biến đổi dự toán phân bổ theo mức sử dụng thực tế
- + Chi phí cố định phân bổ dựa trên mức sử dụng dự kiến dài hạn

Nguyên tắc phân bổ Chi phí biến đổi:

- + Chi phí biến đổi được tính trực tiếp theo mức hoạt động hoặc mức sử dụng của bộ phận, không qua phân bổ.
- + Nhà quản lý bộ phận phục vụ có nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, tính tiền khối lượng phục vụ (tỷ lệ thuận)
- + Đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí bộ phận phục vụ thuộc về bộ phận chức năng

Nguyên tắc phân bổ Chi phí cố định:

- + Chi phí cố định phản ánh chi phí của việc sẵn sàng phục vụ lâu dài.
- + Khi thành lập 1 bộ phận phục vụ mới, nhà quản trị dự kiến nhu cầu sử dụng đó của các bộ phận khác ở mức căn bản
- + Mức căn bản được xác định là: Mức nhu cầu lúc cao điểm, mức bình thường hoặc mức bình quân lâu dài của các bộ phận khác.

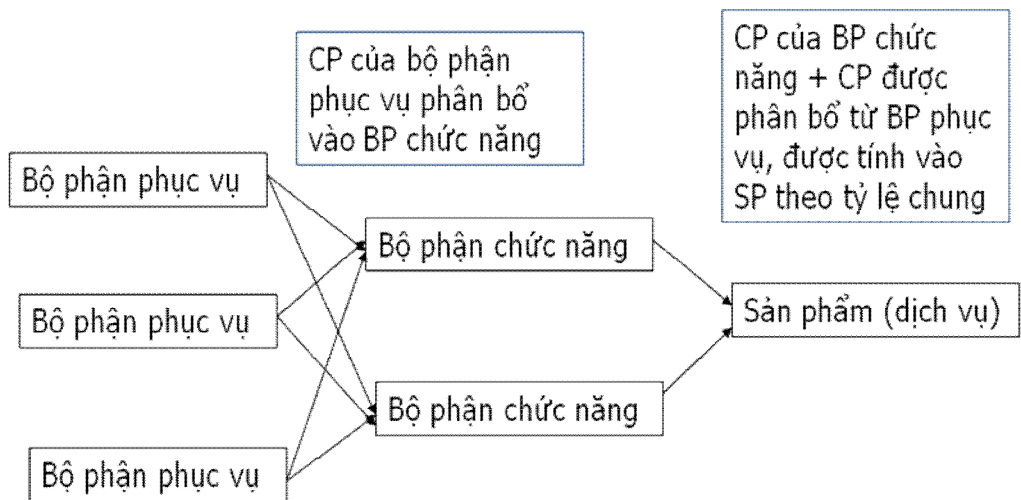
⊖ Chú ý: Khi sử dụng Phân bổ chi phí của bộ phận phục vụ theo cách ứng xử của chi phí:

- + Không được phân bổ toàn bộ chi phí của bộ phận phục vụ cho các bộ phận chức năng theo căn cứ phân bổ khả biến.
- + Không có tác dụng khuyến khích người quản lý bộ phận chức năng vì không kiểm soát khoản chi phí này.

Cách phân bổ chi phí theo cách ứng xử:

- + Xác định Chi phí cố định và Chi phí biến đổi trong cơ cấu chi phí của bộ phận phục vụ (nếu có).
- + Chi phí biến đổi được phân bổ tỷ lệ mức sử dụng dịch vụ phục vụ hoặc mức hoạt động
- + Chi phí cố định phân bổ theo Chi phí cố định dự toán
- + Nếu không xác định riêng biệt Chi phí cố định và Chi phí biến đổi  
→ Chọn căn cứ phân bổ có liên quan nhiều nhất
- + Kết thúc kỳ phân bổ, toàn bộ chi phí của các bộ phận phục vụ của kỳ đó phải được phân bổ hết vào các bộ phận chức năng.

(Nguồn [www.cimaglobal.com](http://www.cimaglobal.com))



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ phân bổ chi phí theo từng bộ phận**

Phương pháp hạch toán:

Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành trong kỳ:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK liên quan (Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

#### 2.2.1.6. Hạch toán doanh thu phục vụ lập Báo cáo bộ phận

Doanh thu bộ phận: Là doanh thu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho bộ phận, bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bộ phận khác của doanh nghiệp. (Theo VAS 28)

Doanh thu bộ phận không bao gồm:

- + Thu nhập khác;
- + Doanh thu từ tiền lãi hoặc cổ tức, kể cả tiền lãi thu được trên các khoản ứng trước hoặc các khoản tiền cho các bộ phận khác vay, trừ khi hoạt động của bộ phận chủ yếu là hoạt động tài chính;
- + Lãi từ việc bán các khoản đầu tư hoặc lãi từ việc xoá nợ trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính.

Doanh thu của bộ phận bao gồm cả phần lãi hoặc lỗ do đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh hoặc các khoản đầu tư tài chính khác được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi các khoản doanh thu đó nằm trong doanh thu hợp nhất của tập đoàn.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền đã thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). (Theo VAS 28)

Doanh thu bộ phận được ghi nhận giống như các doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thông thường khác nhưng được ghi nhận, theo dõi riêng biệt cho từng bộ phận. Do vậy, doanh thu phục vụ lập Báo cáo bộ phận điều kiện ghi nhận, nguyên tắc xác định, phương pháp hạch toán giống như doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thông thường.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời năm điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. (Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

- Nguyên tắc xác định doanh thu:

+ Doanh thu được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu hay chưa thu tiền.

+ Phù hợp: Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp.

+ Thận trọng: doanh thu và thu nhập chỉ ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế. (Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

- Phương pháp hạch toán: (giống như doanh thu thông thường khác nhưng được theo dõi chi tiết, riêng biệt cho từng bộ phận)

+ Kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, . . . (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá bán chưa có thuế GTGT)- Chi tiết theo đối tượng

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

+ Khi khách hàng thanh toán tiền hàng nợ:

+ Nợ TK 111, 112: (Tổng giá thanh toán)

Có TK 131

(Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

### ***2.2.2. Vai trò của Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp***

#### ***2.2.2.1. Khái niệm kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động***

Theo Colin Drury (2012): Kiểm soát là một quá trình đảm bảo rằng các hoạt động của DN phù hợp với kế hoạch mục tiêu đề ra. Sẽ không có kiểm soát nếu không có mục tiêu và kế hoạch.

Bên cạnh đó, Drucker (1964) cho rằng: Kiểm soát là chức năng làm cho chắc chắn rằng công việc thực tế được thực hiện theo ý định ban đầu (trích dẫn bởi Colin Drury, 2012).

🔄 Tóm lại, kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động là một chức năng của nhà quản trị, giúp họ đánh giá, xem xét, phát hiện kịp thời các hoạt động

để giúp cho hoạt động đó đạt được theo những mục tiêu, kế hoạch đề ra ban đầu.

#### 2.2.2.2. Phân loại kiểm soát

Cũng theo Drury, có nhiều cơ chế kiểm soát trong các doanh nghiệp. Ouchi (1979) và Merchant and Vander stede (2007) căn cứ ý nghĩa sử dụng đã phân loại kiểm soát thành 03 phương pháp tiếp cận:

- Kiểm soát hành vi (kiểm soát hành động): có liên quan đến sự nhìn nhận hành động của các đối tượng khi họ làm việc.

- Kiểm soát con người, văn hóa và xã hội: Kiểm soát xã hội có liên quan đến sự lựa chọn một nhóm người đã được xã hội hoá vào một quy tắc cụ thể và một kiểu hành vi nhằm thực hiện một nhiệm vụ nhất định. Kiểm soát con người liên quan đến việc giúp đỡ nhân viên thực hiện tốt công việc bằng cách xây dựng một khuynh hướng kiểm soát tự nhiên trong họ. Kiểm soát văn hóa bao gồm các giá trị, chuẩn mực xã hội, niềm tin ảnh hưởng đến hành động của các thành viên của một tổ chức.

- Kiểm soát kết quả (đầu ra): liên quan đến việc thu thập, báo cáo thông tin về kết quả, hiệu quả công việc (trích dẫn bởi Colin Drury, 2012).

Drury cho rằng, hệ thống kế toán quản trị thường đồng nghĩa với kiểm soát đầu ra. Trong khi, quản lý hệ thống kiểm soát bao gồm tất cả các kiểm soát trên.

☞ Kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ nhu cầu nhà quản lý trong việc quản trị, xem xét tình hình thực tế, hiệu quả kinh doanh để từ đó có những chiến lược, định hướng, mục tiêu kinh doanh phù hợp hơn.

#### 2.2.2.3. Phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động

Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động như:

- Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư (ROI): là tỷ số giữa lợi nhuận thuần trên vốn kinh doanh bình quân. Chỉ tiêu này cho sau một kỳ hoạt động kinh

doanh hoặc kỳ vọng cho kỳ tới, DN đầu tư một đồng vốn thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận, chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn càng tốt.

$$\text{ROI} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}} \quad (2.1)$$

Công thức xác định ROI còn được viết theo cách khác

$$\text{ROI} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn kinh doanh}} \quad (2.2)$$

$$\text{ROI} = \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Số vòng quay}}{\text{của vốn đầu tư}} \quad (2.3)$$

- Thu nhập thặng dư (RI): chênh lệch giữa lợi nhuận của một trung tâm đầu tư và mức lợi nhuận để đạt được tỷ lệ sinh lời tối thiểu tính trên vốn đầu tư.

$$\text{RI} = \text{Lợi nhuận của trung tâm đầu tư} - \text{Chi phí sử dụng vốn} \quad (2.4)$$

- Giá trị tăng thêm (EVA): là thước đo sự hoạt động của DN và nó được xem là thước đo giá trị DN tạo ra đáng tin cậy hơn thước đo thu nhập ròng. Nhờ đó mà DN có thể xác định được mức độ thành công cũng như thua lỗ trong một khoảng thời gian nào đó chính xác, đơn giản hơn.

$$\text{EVA} = \text{Lợi nhuận hoạt động sau thuế} - \text{Lãi suất sử dụng vốn bình quân} \\ * \text{Vốn đầu tư} \quad (2.5)$$

(Nguồn <http://www.sternstewart.com>)



#### *2.2.2.4. Vai trò của Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp*

Báo cáo bộ phận rất cần thiết cho người quản lý trong việc kiểm soát, phân tích kết quả hoạt động của các bộ phận trong tổ chức, đánh giá thành quả của bộ phận cũng như trên phạm vi toàn doanh nghiệp.

Báo cáo bộ phận cho biết thông tin so sánh giữa các kỳ với nhau hoặc giữa kế hoạch và thực hiện để nhà quản lý có thể kiểm soát được các hoạt động của DN, đảm bảo đạt mục tiêu từng bộ phận và mục tiêu chung của DN.

Báo cáo bộ phận giúp người sử dụng báo cáo nắm được hiệu quả kinh doanh trong từng lĩnh vực, khu vực địa lý,... Thông qua phân tích báo cáo bộ phận, nhà quản lý có thể đánh giá được lĩnh vực kinh doanh nào hay khu vực địa lý nào có hiệu quả tốt cho doanh nghiệp cũng như mức độ rủi ro tiềm ẩn của doanh nghiệp, bộ phận nào làm ảnh hưởng đến tổng thể lãi/lỗ chung của toàn DN. Từ đó, nhà quản lý có thể đưa ra các biện pháp khắc phục, các phương án hoạt động cũng như các quyết định kinh tế thích hợp.

## TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Trong chương 2, tác giả đã cung cấp cái nhìn tổng quan và một số vấn đề cơ bản về báo cáo bộ phận trong các doanh nghiệp thương mại như:

Tổng quan các công trình nghiên cứu về Báo cáo bộ phận trên thế giới và ở Việt Nam.

Đưa ra một số vấn đề cơ bản về mặt lý luận như những khái niệm, đặc điểm, nội dung, hình thức, vai trò, cách hạch toán doanh thu, chi phí, về Báo cáo bộ phận và các quan điểm về kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động như: khái niệm, phân loại kiểm soát, phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động.

## **CHƯƠNG 3**

### **THỰC TRẠNG VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM CƯỜNG**

#### **3.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường**

##### ***3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển***

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Nam Cường được thành lập vào ngày 01 tháng 10 năm 2000 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600232486 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ.

- Tên công ty: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NAM CƯỜNG.

- Tên giao dịch: NAM CƯỜNG CO.,LTD

- Trụ sở chính: Số 9, đường Lê Đồng, phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Điện thoại: 02103952219 - Fax: 02103952/02103953898

- Mã số thuế: 2600232486

- Người đại diện: Nguyễn Minh Quốc.

- Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng)

- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

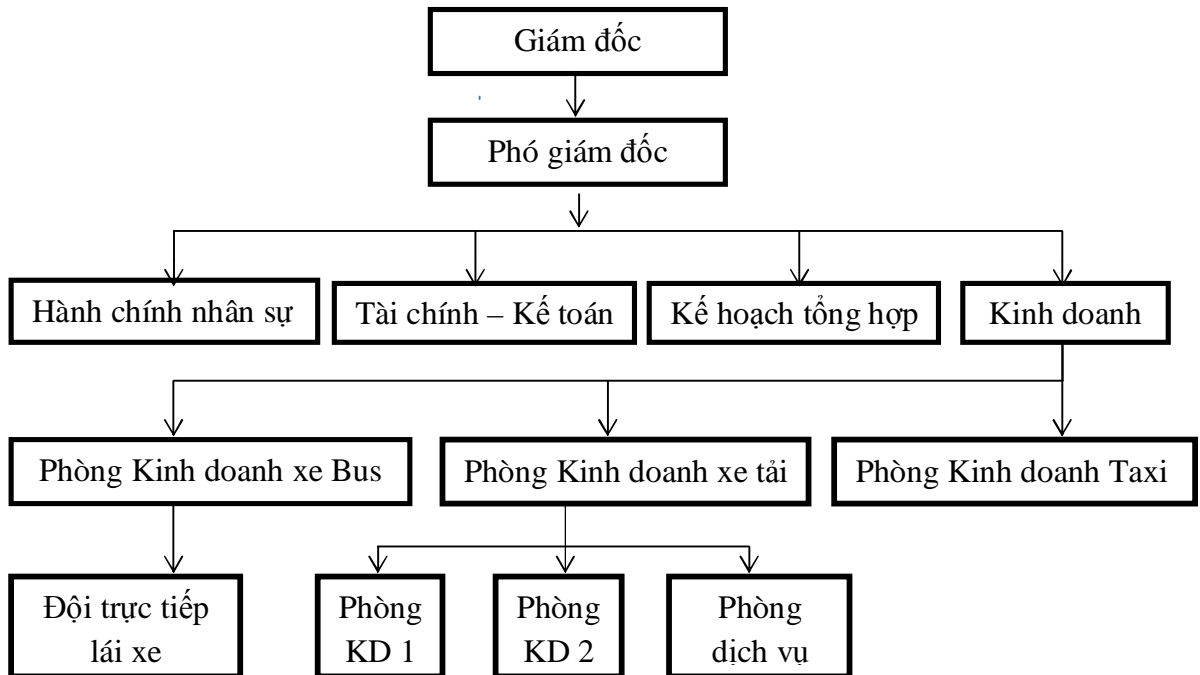
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
- Cho thuê xe có động cơ
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác,...

Được thành lập vào ngày 01 tháng 10 năm 2010 và chính thức đi vào

hoạt động, Công ty TNHH Thương mại Nam Cường đã dần lớn mạnh và trở thành một trong những doanh nghiệp đang phát triển hàng đầu tỉnh Phú thọ và dần có tiếng trên các tỉnh, thành khác. Công ty TNHH Thương mại Nam Cường dần chiếm lĩnh thị trường và tạo được niềm tin của khách hàng trong các dịch vụ vận tải: taxi, xe bus và kinh doanh xe tải. Với kinh nghiệm quản lý tốt, thái độ phục vụ khách hàng nhiệt tình, chuyên nghiệp, Công ty TNHH Thương mại Nam Cường đang cải tiến, nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô trong các lĩnh vực khác và khẳng định vị thế doanh nghiệp trên thị trường.

### 3.1.1.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường

Là một công ty hạch toán kinh doanh độc lập và có đầy đủ tư cách pháp nhân, Công ty TNHH Thương mại Nam Cường tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng để tránh tình trạng tập trung quá mức quyền lực vào một số bộ phận hay chồng chéo hoặc bỏ sót nên các chức năng quản lý được ban lãnh đạo phân cấp rõ ràng và phù hợp.



Sơ đồ 3.1: Bộ máy quản lý công ty TNHH Thương mại Nam Cường

***Chức năng của các phòng ban:***

**▼ Ban giám đốc:**

- **Giám Đốc:** là người có tư cách pháp nhân, người chỉ huy cao nhất, chịu trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của công ty, quyết định về phương hướng kinh doanh, tổ chức hạch toán, công tác đối ngoại và có hiệu quả sử dụng vốn.

- **Phó giám đốc:** có nhiệm vụ giúp Giám đốc kiểm tra, soát xét, tư vấn, điều hành, đưa ra các cách thức, phương pháp về quản lý tài chính của doanh nghiệp.

**▼ Các phòng ban chức năng:**

- **Phòng hành chính nhân sự:**

Có nhiệm vụ tổ chức sắp xếp nhân sự, quản lý lao động, ngày công làm việc của cán bộ công nhân viên, cân đối lao động, chấm công, đảm bảo điều kiện làm việc của công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, tuyển dụng nguồn lực, ban hành quy chế nội bộ,...

- **Phòng tài chính – kế toán:**

Có nhiệm vụ tham mưu giúp giám đốc về quản lý tài chính và tổ chức công tác hạch toán kế toán của công ty, thực hiện đúng các chế độ, chuẩn mực kế toán quy định về quản lý vốn, tài sản và các chế độ khác của Nhà nước, có kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm trình giám đốc, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách theo chế độ quy định của Nhà nước,...

- **Phòng kế hoạch tổng hợp:**

Quản lý theo dõi chi tiết vận hành tại các trạm, bảo dưỡng, khấu hao, thuê đất, trông coi, xử lý, báo cáo các phát sinh tại các trạm về Ban lãnh đạo công ty, ký hợp đồng với nhà dân tại các trạm

- **Phòng kinh doanh:**

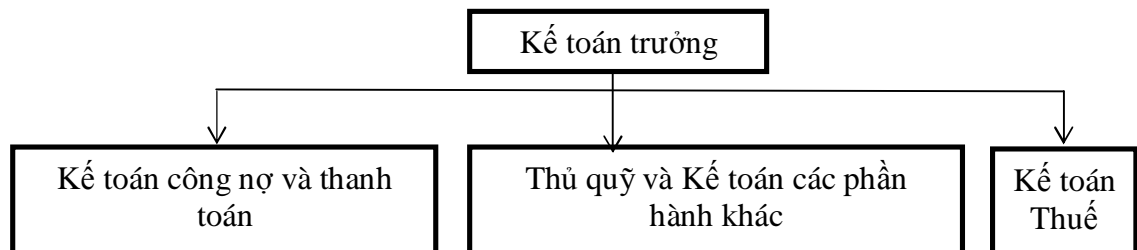
Nghiên cứu thị trường, hoạch định các kế hoạch, thực thi các công việc

kinh doanh, sự khả thi, các khả năng phát sinh, đưa ra các chính sách kinh doanh hợp lý, phù hợp với thị trường, tham mưu cho lãnh đạo về các công trình, dự án, cung cấp các dịch vụ bán hàng.

### 3.1.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường

#### a. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung để thuận tiện cho việc kiểm tra và tổng hợp số liệu. Cụ thể như sau:



**Sơ đồ 3.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH TM Nam Cường**

#### *Vai trò, nhiệm vụ của bộ máy kế toán:*

##### ✓ Kế toán trưởng:

- Giúp Giám đốc công ty tổ chức tổng kiểm soát, chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán thống kê, thông tin kinh tế, hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, chịu trách nhiệm tổng hợp với ban giám đốc, xem xét các chứng từ, kiểm tra xem xét sổ sách kế toán, điều chỉnh kịp thời những khoản nộp ngân sách, thanh toán và thu hồi kịp thời các khoản phải thu, phải trả, lập gửi lên cấp trên đúng thời hạn báo cáo kế toán, tổ chức kiểm tra xem xét, duyệt báo cáo cấp dưới,...

##### ✓ Kế toán công nợ và thanh toán:

Theo dõi tình hình mua bán với người mua, người bán, tình hình công nợ với nhân viên, các trạm và các thanh toán khác.

##### ✓ Kế toán thuế:

Chịu trách nhiệm về nộp thuế, kê khai thuế, quản lý các mảng liên quan đến thuế phải nộp của công ty, cập nhật thông tin, các sự thay đổi về thông tư, nghị định thuế của Nhà nước

**▼ Thủ quỹ và Kế toán các phần hành khác:**

Chịu trách nhiệm quản lý thu, chi quỹ tiền mặt, phụ trách tiền gửi ngân hàng của công ty trên cơ sở các chứng từ hợp pháp, hợp lệ. Trình báo các phát sinh định kỳ và khi có yêu cầu, phụ trách kiểm tra các phần hành kế toán còn lại như: Tài sản cố định, Hàng tồn kho,...

**b. Chế độ kế toán**

- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và sau đó đã cập nhật theo Thông tư 200/2014/TT-BT của Bộ tài chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
  - Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.
  - Phương pháp tính giá thực tế hàng xuất kho: bình quân cả kỳ dự trữ.
  - Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Tồn kho cuối kỳ = Tồn kho đầu kỳ + Nhập trong kỳ - Xuất cuối kỳ

- Phương pháp tính khấu Tài sản cố định: phương pháp đường thẳng.
- Niên độ kế toán được xác định theo năm tài chính, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm, năm trùng với năm dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng là Việt Nam đồng (ký hiệu: VNĐ), các nghiệp vụ kinh tế phát sinh là đồng ngoại tệ thì sẽ được quy đổi theo tỷ giá do ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh.

**3.1.1.3. Hệ thống chứng từ sử dụng tại công ty**

- Chứng từ kế toán áp dụng cho công ty thực hiện theo nội dung, phương pháp lập, ký chứng từ theo quy định của Luật Kế toán 2003 và các

Nghị định, Thông tư của chính phủ, các văn bản pháp luật có liên quan đến chứng từ kế toán và các quy định trong chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Chứng từ kế toán ban hành theo Chế độ kế toán doanh nghiệp, gồm 5 chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu lao động tiền lương.
- Chỉ tiêu hàng tồn kho.
- Chỉ tiêu bán hàng.
- Chỉ tiêu tiền tệ.
- Chỉ tiêu tài sản cố định.

- Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của công ty đều phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ lập 1 lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh. Nội dung chứng từ kế toán đầy đủ các chỉ tiêu, phải rõ ràng, trung thực với nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

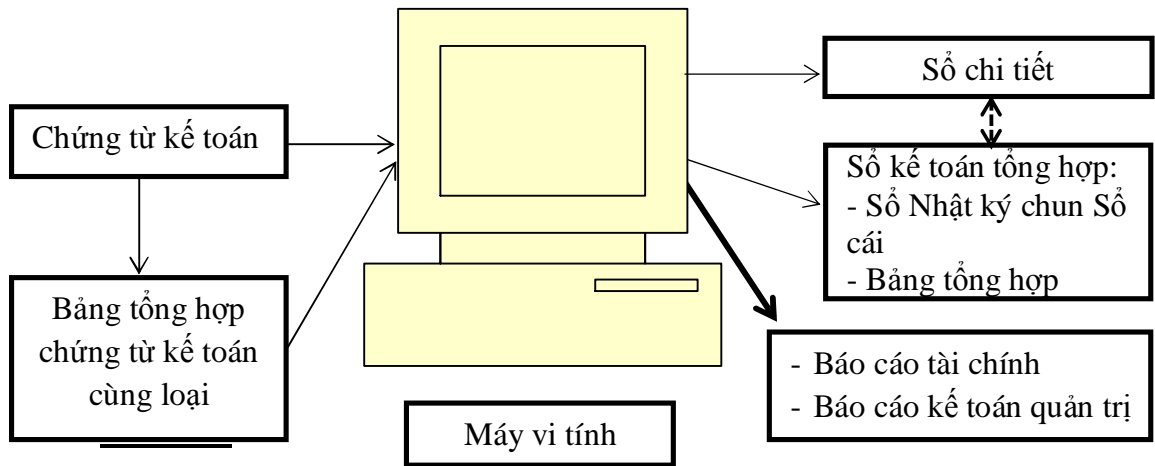
- Chứng từ kế toán được lập đủ số liên theo quy định cho mỗi chứng. Mọi chứng từ kế toán của công ty đều có đủ chữ ký theo chức năng quy định trên chứng từ thì mới được luân chuyển và có giá trị pháp lý.

### ***3.1.2. Hình thức kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường***

Để phù hợp với quy mô cũng như điều kiện thực tế, hiện nay công ty TNHH Thương mại Nam Cường đang sử dụng phần mềm kế toán máy Fast Accounting theo hình thức Nhật ký chung để làm công cụ kế toán. Đây là hình thức kế toán đơn giản, dễ làm, và thuận tiện.

Phần mềm kế toán được một nhân viên IT của một công ty phần mềm quản lý doanh nghiệp viết và thiết kế theo đặc thù, phù hợp với mục đích sử dụng và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với các phân hệ đã được thiết kế phù hợp, mỗi nhân viên kế toán được trang bị một máy tính làm việc và cài đặt sẵn phần mềm Fast Accounting.





### Sơ đồ 3.3: Phần mềm kế toán máy theo hình thức Nhật ký chung

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

#### Giải thích sơ đồ:

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán viên xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán Fast Accounting. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết) kế toán viên thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu số liệu tổng hợp của sổ kế toán tổng hợp với số liệu chi tiết của sổ kế toán chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực các thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán viên có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy

## **3.2. Thực trạng lập Báo cáo Bộ phận phục vụ kiểm soát đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường**

### ***3.2.1. Công tác lập kế hoạch***

Đến cuối hàng năm, phòng kinh doanh lập báo cáo đã hoàn thành trong năm qua so với kế hoạch và lập kế hoạch trong năm tới về số lượng chỉ tiêu xe bán ra và doanh thu chỉ tiêu xe bus và xe taxi. Công ty không lập kế hoạch về lợi nhuận.

**PHỤ LỤC 2** minh họa về kế hoạch bán xe của công ty năm 2015. Với chỉ tiêu số lượng xe bán ra là 568 xe và thực tế công ty đã đạt được 535 xe, thấp hơn so với kế hoạch là 33 xe.

Và chỉ tiêu kế hoạch doanh thu đặt ra đối với kinh doanh xe taxi là 13.000.000.000 đồng thì thực tế doanh thu đạt được 11.091.435.373 đồng. Chỉ tiêu kế hoạch với xe bus là 6.000.000.000 đồng thì thực tế doanh thu đạt được là 5.795.923.000 đồng. Thực tế việc kinh doanh xe taxi của công ty doanh thu đạt thấp hơn so với kế hoạch vì trong năm 2015 đã có rất nhiều các hãng taxi mới thành lập thêm nên thị trường cạnh tranh mạnh hơn, đồng thời do nhu cầu người dân đi taxi cũng đã giảm dần, bởi mỗi gia đình họ thường cũng đã có phương tiện ô tô đi lại nên nhu cầu họ cũng đã giảm đi. Và công ty cũng đang dần chuyển hướng sang kinh doanh xe bus nên việc kinh doanh taxi có phần không hiệu quả như trước đây. Việc kinh doanh xe bus đạt thấp hơn kế hoạch 204.077.000 đồng vì doanh nghiệp cũng mới đưa dịch vụ xe bus đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2015 nên hình thức xe bus còn mới với nhiều người dân chưa biết đến, lượng người đi lại còn thưa, hiệu quả kinh doanh còn chưa đạt được cao như dự kiến.

### ***3.2.2. Khảo sát thực trạng lập báo cáo bộ phận tại doanh nghiệp***

- Hiện nay, công ty chưa lập báo cáo bộ phận. Các báo cáo phục vụ mục đích kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động ở DN hiện nay mới chỉ gồm

báo cáo doanh thu, chi phí được theo dõi chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh hàng tháng và báo cáo kết quả kinh doanh cả năm thông thường. Để tìm hiểu vấn đề này, tác giả đã đưa ra khảo sát (**PHỤ LỤC 1**) gồm 5 phiếu đối với ban lãnh đạo doanh nghiệp, kế toán trưởng và 02 nhân viên kế toán quản trị và thu được kết quả thông qua các bảng thống kê như sau:

**Bảng 3.1: Cách thức kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động tại DN**

NỘI DUNG	KẾT QUẢ		
	Kết quả	Số lượng	Tỉ lệ
1. DN có kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động qua các Báo cáo kế toán chưa?	Có	5/5	100%
	Không	0/5	0%
2. Các báo cáo cung cấp cho nhà quản trị gồm	Báo cáo tài chính theo quy định	5/5	100%
	Báo cáo theo yêu cầu nhà quản trị	0/5	0%

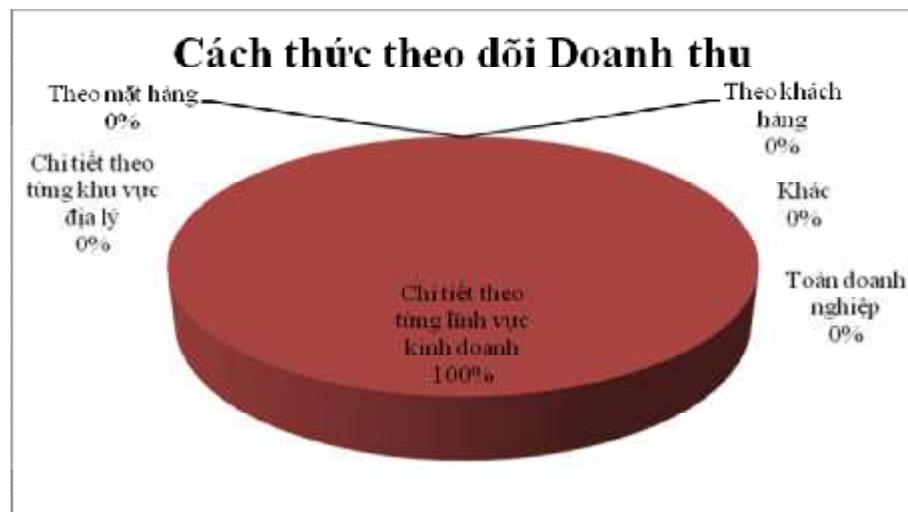
- Công ty hiện nay đã có hoạt động kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, cụ thể là qua khảo sát 5/5 phiếu, chiếm 100%. Tuy nhiên, đánh giá này mới chỉ qua các báo cáo tài chính theo quy định thông thường, khảo sát này chiếm 5/5 phiếu, đạt tỉ lệ 100. Tác giả xin được đưa ra các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 để minh họa cho khảo sát này ở **PHỤ LỤC 6**. (Do hàng tháng kế toán không kết chuyển xác định kết quả kinh doanh nên không có báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng, công ty chỉ có báo cáo kết quả kinh doanh theo năm).

- Cách thức theo dõi Doanh thu như sau:

**Bảng 3.2. Cách thức theo dõi Doanh thu tại DN**

NỘI DUNG	KẾT QUẢ		
	Kết quả	Số lượng	Tỉ lệ
3. Doanh thu được theo dõi như thế nào?	Toàn doanh nghiệp	0/5	0%
	Chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh	5/5	100%
	Chi tiết theo từng khu vực địa lý	0/5	0%
	Theo mặt hàng	0/5	0%
	Theo khách hàng	0/5	0%
	Khác	0/5	0%

Trong tổng số 05 phiếu khảo sát, số phiếu lựa chọn lập báo cáo doanh thu chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh gồm: 5 phiếu, chiếm 100%, số phiếu chọn lập báo cáo doanh thu theo tổng thể toàn doanh nghiệp, theo khu vực địa lý, theo mặt hàng, theo khách hàng, và cách lập khác là: 0 phiếu, chiếm 0%. Cụ thể, doanh thu bán xe tải tháng 12 năm 2015 là: 26.318.454.542 đồng, doanh thu kinh doanh xe bus: 590.460.000 đồng, doanh thu kinh doanh taxi: 1.238.411.818 đồng. Kết quả khảo sát này được minh họa trong biểu đồ dưới đây và minh họa bằng sổ sách cụ thể trong **(PHỤ LỤC 3)**

**Hình 3.1: Cách thức theo dõi Doanh thu**

- Tương tự như doanh thu, chi phí trực tiếp cũng được theo dõi chi tiết theo lĩnh vực kinh doanh, chi phí chung không phân bổ. Cụ thể như trong bảng sau:

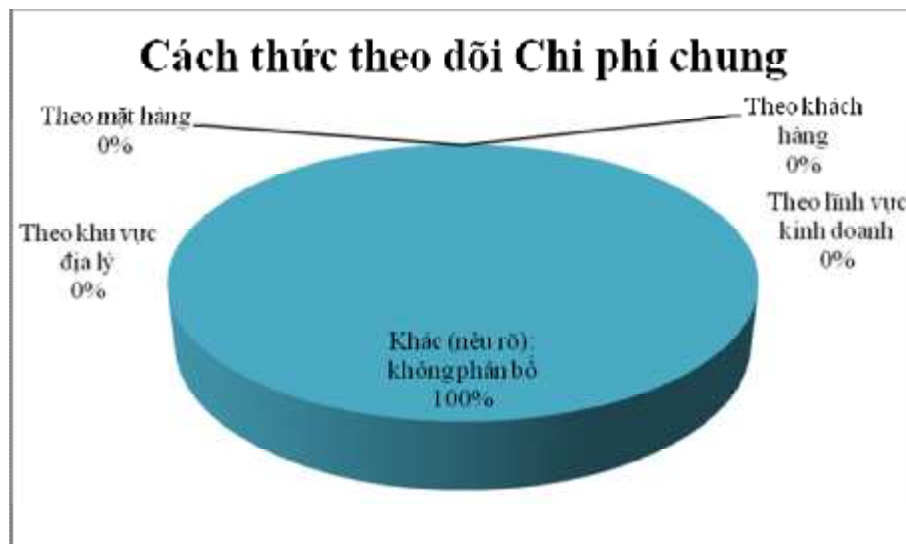
**Bảng 3.3: Cách thức theo dõi Chi phí tại DN**

NỘI DUNG	KẾT QUẢ		
	Kết quả	Số lượng	Tỉ lệ
4. Chi phí trực tiếp được theo dõi như thế nào?	Toàn doanh nghiệp	0/5	0%
	Chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh	5/5	100%
	Chi tiết theo từng khu vực địa lý	0/5	0%
	Theo mặt hàng	0/5	0%
	Theo khách hàng	0/5	0%
	Khác	0/5	0%
	5. Chi phí chung được phân bổ như thế nào?	Theo khu vực địa lý	0/5
Theo lĩnh vực kinh doanh		0/5	0%
Theo mặt hàng		0/5	0%
Theo khách hàng		0/5	0%
Khác (nêu rõ): không phân bổ		5/5	100%

Kết quả khảo sát cách thức theo dõi chi phí trực tiếp theo lĩnh vực kinh doanh là 5/5 phiếu, chiếm tỉ lệ 100%, theo dõi theo toàn DN, khu vực địa lý, theo mặt hàng, khách hàng, và cách thức theo dõi khác đều là 0/5 phiếu, chiếm 0%. Và chi phí chung khác của DN hiện nay không phân bổ: chiếm 5/5 phiếu, tương đương tỉ lệ 100%, các cách thức phân bổ khác là 0 phiếu, chiếm 0%. Kết quả 02 khảo sát này được minh họa qua 02 biểu đồ sau và số liệu minh họa thực tế trong **(PHỤ LỤC 4, PHỤ LỤC 5)**:



**Hình 3.2: Cách thức theo dõi Chi phí trực tiếp**



**Hình 3.3: Cách thức theo dõi Chi phí chung**

(Trong phần sổ sách minh họa cho Chi phí, tác giả xin đưa thêm một số sổ sách chi tiết các chi phí như: Sổ chi tiết TK 632: Giá vốn hàng bán; TK 641: Chi phí bán hàng; TK 642: Chi phí quản lý DN; Bảng tính lương phải trả; Bảng tính khấu hao tài sản (trong đó: 329.546.839 đồng là khấu hao xe Taxi Morning của bộ phận Kinh doanh xe Taxi, 106.666.667 đồng là khấu hao của 10 xe bus (mỗi xe nguyên giá: 1.280.000.000 đồng, khấu hao trong

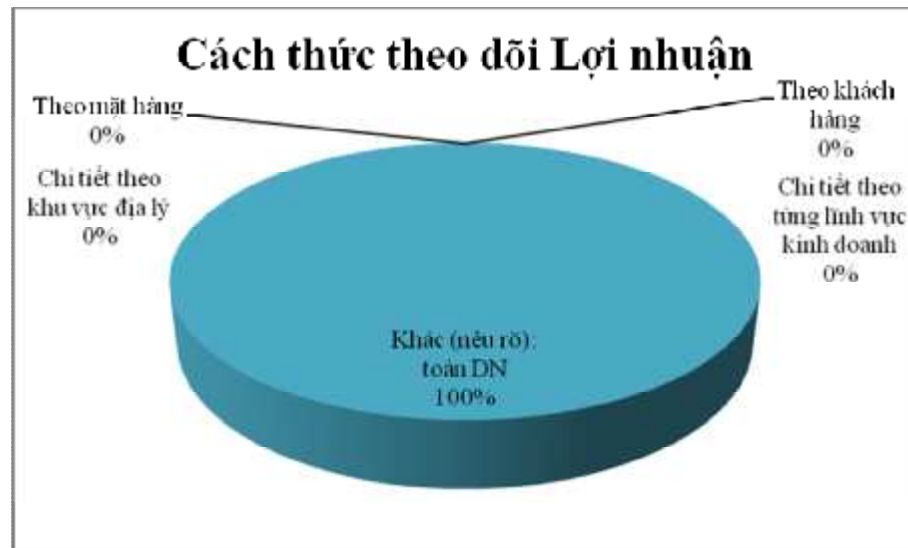
120 tháng), khấu hao máy chuẩn đoán lỗi các dòng xe Kia, máy ép thủy lực: 1.680.556 đồng thuộc bộ phận kinh doanh bán xe tải. Khấu hao máy phát điện, máy phô tô văn phòng, máy tính xách tay,... :33.122.081 đồng thuộc chi phí cố định chung) tháng 12 năm 2015 ở **PHỤ LỤC 5** để làm căn cứ số liệu phục vụ cho Xây dựng báo cáo bộ phận ở Chương 4).

- Với Doanh thu và Chi phí trực tiếp được DN theo dõi chi tiết như vậy, lợi nhuận DN lại theo dõi chung theo tổng thể toàn DN:

**Bảng 3.4: Cách thức theo dõi Lợi nhuận tại DN**

NỘI DUNG	KẾT QUẢ		
	Kết quả	Số lượng	Tỉ lệ
6. Lợi nhuận được xác định như thế nào?	Chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh	0/5	0%
	Chi tiết theo khu vực địa lý	0/5	0%
	Theo mặt hàng	0/5	0%
	Theo khách hàng	0/5	0%
	Khác (nêu rõ): toàn DN	5/5	100%

Lợi nhuận được DN theo dõi theo tổng thể toàn DN chiếm 5/5 phiếu, tương đương tỉ lệ 100%, các cách theo dõi khác đều là 0/5 phiếu, chiếm 0%. Kết quả khảo sát này được minh họa trong hình vẽ dưới đây:



**Hình 3.4: Cách thức theo dõi Lợi nhuận**

Bảng 3.5 và hình 3.4 cho thấy DN không theo dõi chi tiết và lập báo cáo lợi nhuận theo các bộ phận như khu vực địa lý, lĩnh vực kinh doanh mà chỉ lập chung một báo cáo cho DN. Minh họa ở **PHỤ LỤC 6** thể hiện báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015.

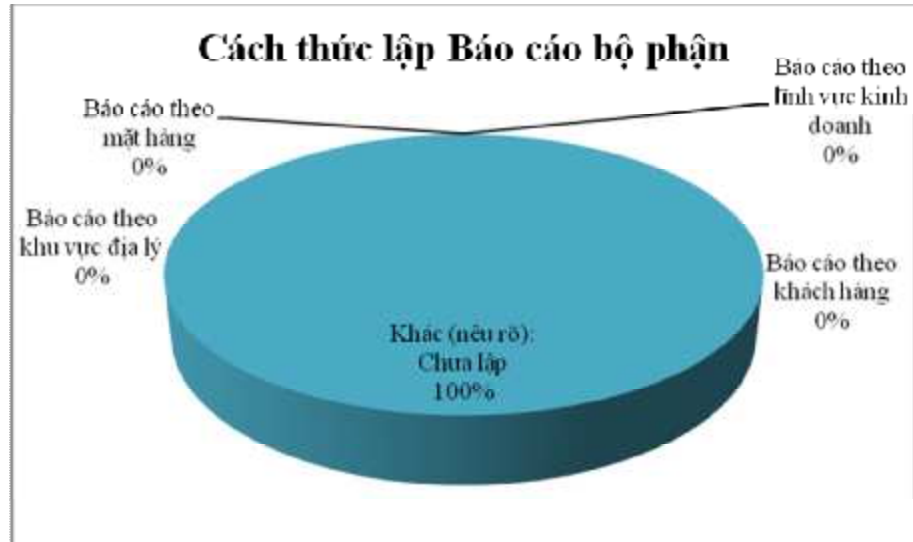
- Tuy nhiên, DN mới chỉ theo dõi chi tiết doanh thu và chi phí trực tiếp theo tiểu khoản, nhưng chưa lập báo cáo bộ phận. Kết quả khảo sát được thống kê như sau:

**Bảng 3.5: Kết quả khảo sát thực trạng lập BCBP của DN**

NỘI DUNG	KẾT QUẢ		
	Kết quả	Số lượng	Tỷ lệ
7. DN đã lập Báo cáo bộ phận theo yêu cầu nhà quản trị chưa?	Có	0/5	0%
	Chưa	5/5	100%
8. Nếu đã lập, báo cáo theo bộ phận được lập là:	Báo cáo theo khu vực địa lý	0/5	0%
	Báo cáo theo mặt hàng	0/5	0%
	Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh	0/5	0%
	Báo cáo theo khách hàng	0/5	0%
	Khác (nếu rõ): Chưa lập	5/5	100%



Khảo sát cho thấy: 5/5 phiếu, chiếm tỉ lệ 100% chọn DN chưa lập Báo cáo bộ phận.



**Hình 3.5: Chi tiết lập Báo cáo bộ phận**

- ***Kết quả khảo sát liên quan tới chủ doanh nghiệp***

Với đặc điểm tình hình kinh doanh 3 lĩnh vực như vậy, thực tế ban giám đốc DN mong muốn biết được doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của từng bộ phận trong từng tháng để biết được lãi lỗ, bộ phận nào làm ảnh hưởng đến lợi nhuận chung, và việc ra các quyết định khác. Với mong muốn này, Ban giám đốc doanh nghiệp mong muốn kế toán lập và cung cấp thông tin các báo cáo chi tiết về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận trong DN. Cụ thể như trong Bảng 3.6:

**Bảng 3.6: Kết quả liên quan đến nhà quản trị DN**

<p>1. Nhà quản trị quan tâm đến thông tin hiệu quả kinh doanh theo từng lĩnh vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giám đốc: “ Hiện nay, tôi mới yêu cầu kế toán lập báo cáo chi phí, doanh thu từng tháng, và báo cáo kết quả kinh doanh cho tôi hàng năm. Do công việc kinh doanh ngày càng mở rộng hơn, tôi quan tâm muốn biết hiệu quả kinh doanh của từng mảng hiện tại tôi đang đầu tư, xem trong tháng, quý, năm lãi lỗ ra sao, mảng nào ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận tổng thể của tôi”.</li> <li>• Phó giám đốc: “Tôi muốn biết lợi nhuận từng lĩnh vực hiện đang kinh doanh, lĩnh vực nào có hiệu quả cao, lĩnh vực nào có hiệu quả thấp, hay không hiệu quả, mảng nào có lãi, mảng nào không, để cân nhắc xem có nên đầu tư mở rộng tiếp lĩnh vực đó không”.</li> </ul> <p>2. Nhà quản trị yêu cầu báo cáo thể hiện chi tiết chi tiêu doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh theo lĩnh vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giám đốc: “Tôi cần cung cấp cho tôi báo cáo thể hiện chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh từng lĩnh vực tôi đầu tư trong từng tháng”.</li> <li>• Phó giám đốc: “Tôi cần bộ phận kế toán cung cấp cho tôi thông tin lãi, lỗ cụ thể của từng mảng kinh doanh hiện nay theo từng tháng”.</li> </ul>
---

### **3.3. Đánh giá thực trạng lập báo cáo bộ phận tại công ty**

#### **3.3.1. Ưu điểm**

- Hiện tại, tuy công ty chưa lập báo cáo bộ phận nhưng các mẫu sổ sách, báo cáo hiện công ty đang sử dụng đúng mẫu theo quy định, phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán.

- Kế toán phản ánh đầy đủ nội dung, trung thực của thông tin kế toán
- Các thông tin kế toán có tính hợp pháp, hợp lệ, đảm bảo tính chính

xác cao.

- Các báo cáo kế toán thuận lợi cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán tài chính thông thường.

### **3.3.2. Tồn tại**

- Để phục vụ việc kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Mặc dù, hiện tại công ty đang kinh doanh tới 3 lĩnh vực riêng biệt: Kinh doanh bán xe tải, kinh doanh chạy xe Bus, kinh doanh chạy xe Taxi phù hợp với việc lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Điều này gây ra ảnh hưởng, rất khó cho nhà quản trị có thể nắm bắt được kịp thời tình hình kinh doanh, kết quả kinh doanh, lãi lỗ của từng lĩnh vực kinh doanh, cũng như hiệu quả của từng lĩnh vực này trong kết quả tổng thể của toàn doanh nghiệp, góp phần làm tăng lợi nhuận, hay giảm lợi nhuận của toàn doanh nghiệp, tỉ trọng ra sao.

- Nhà quản trị quan tâm đến thông tin hiệu quả kinh doanh theo từng lĩnh vực kinh doanh, và mong muốn có báo cáo thể hiện chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh. Nhưng kế toán hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu này.

- Tuy bên cạnh các báo cáo về doanh thu, chi phí, công ty chỉ lập Báo cáo kết quả kinh doanh để kiểm tra, kiểm soát tình hình hiệu quả kinh doanh của công ty, không lập Báo cáo bộ phận, nhưng công ty cũng chỉ lập Báo cáo kết quả kinh doanh theo năm. Hàng tháng, quý, kế toán không kết chuyển xác định kết quả kinh doanh để quản lý hoạt động kinh doanh, lãi lỗ của doanh nghiệp. Điều này dẫn tới hàng tháng, hàng quý, ban lãnh đạo của doanh nghiệp không biết được chính xác con số lãi, lỗ là bao nhiêu, đến cuối năm khi lập báo cáo thì các thông tin đã không còn kịp thời cho việc quản lý, ra quyết định.

- Việc kiểm soát, đánh giá hiệu quả kinh doanh hiện nay của DN vẫn

còn lỏng lẻo, mới chỉ qua các báo cáo kế toán thông thường toàn DN nên việc đánh giá hiệu quả còn chưa chính xác, đặc biệt là từng bộ phận kinh doanh, có thể từng bộ phận đó có lãi trong khi kết quả kinh doanh toàn DN lỗ, và ngược lại. Do vậy, chỉ kiểm soát thông qua các báo cáo kế toán như vậy không giúp nhà quản lý đánh giá chính xác tình hình hoạt động của DN.

### **TÓM TẮT CHƯƠNG 3**

Trong chương 3, bằng các phương pháp nghiên cứu, tác giả đã giới thiệu, đưa ra kết quả khảo sát, phỏng vấn sâu và thảo luận về thực trạng báo cáo kế toán đang lập hiện nay ở Công ty TNHH Thương mại Nam Cường làm tiền đề, cơ sở cho việc đề xuất, đưa ra các khuyến nghị xây dựng Báo cáo Bộ phận cho doanh nghiệp này.

Nhìn chung, công ty cũng như số nhiều các công ty khác chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin phục vụ kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, nhất là thông tin doanh thu, chi phí, lợi nhuận theo từng bộ phận. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế này là do lĩnh vực kế toán quản trị, đặc biệt là Báo cáo bộ phận còn là lĩnh vực mới đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Thương mại Nam Cường nói riêng. Căn cứ vào đặc điểm tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, và mong muốn, nhu cầu quản trị của Ban lãnh đạo doanh nghiệp, tác giả xin mạnh dạn đưa ra kết quả, một số khuyến nghị, lập Báo cáo bộ phận tháng 12 năm 2015 tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường trong chương sau.

## **CHƯƠNG 4**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **4.1. Sự cần thiết phải xây dựng Báo cáo bộ phận tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường**

Hiện nay, trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, các quốc gia thực hiện chính sách mở cửa, sự cạnh tranh trên thị trường giữa các doanh nghiệp càng trở nên gay gắt. Điều này dẫn đến các doanh nghiệp buộc phải vững mạnh hơn nữa để giữ vững, khẳng định vị thế, vị trí của mình trên thương trường trong và ngoài nước. Để đạt được những điều như vậy, bản thân các doanh nghiệp phải quản lý, kiểm soát được các thông tin kinh tế, đặc biệt là các thông tin kế toán quản trị. Báo cáo bộ phận cần thiết cho việc đánh giá rủi ro và lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau, nhiều ngành hàng khác nhau, ... Báo cáo bộ phận nhằm hỗ trợ nhà quản trị hiểu rõ tình hình, hoạt động, doanh thu, chi phí, hiệu quả kinh doanh,... của từng bộ phận trong toàn doanh nghiệp, từ đó đưa ra đánh giá hợp lý, và các quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp mình. Với doanh nghiệp kinh doanh nhiều lĩnh vực như Công ty TNHH Thương mại Nam Cường, xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động là điều thực sự cần thiết.

Xuất phát từ nhu cầu này, công ty TNHH Thương mại Nam Cường luôn đề cao, coi trọng công tác xây dựng báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động trong báo cáo kế toán của mình. Vì vậy, trong thời gian nghiên cứu, viết luận văn thạc sĩ tại công ty TNHH Thương mại Nam Cường, được sự tạo điều kiện giúp đỡ từ phía công ty và sự hướng dẫn tận tình của Tiến sĩ Lê Thị Tú Oanh, tác giả nhận thấy còn một số tồn tại và xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện.

## **4.2. Định hướng phát triển của công ty**

### **4.2.1. Mục tiêu phát triển**

Mục tiêu từ năm 2016 trở đi, công ty TNHH Thương mại Nam Cường trở thành doanh nghiệp top đầu của Tỉnh, và vươn lên trong phạm vi cả nước. Đa dạng hóa các ngành nghề kinh doanh để trở thành công ty đa ngành quy mô lớn. Từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định uy tín, tên tuổi trên thị trường toàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho công nhân viên, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.

### **4.2.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- **Giai đoạn 2016-2020:**

- Nâng cao quy mô hoạt động của công ty lên mức gấp đôi hiện nay về thiết bị, công nhân, hiệu quả kinh doanh, ...
- Mở rộng ngành hàng, chi nhánh hoạt động trên cơ sở tận dụng kinh nghiệm và trang thiết bị hiện bị có như mở thêm các chi nhánh, cơ sở,... tại các huyện trên địa bàn tỉnh.
- Tiếp tục tìm kiếm các ngành hàng mới và thử nghiệm phát triển.

- **Giai đoạn 2020 trở về sau**

- Duy trì sự ổn định và phát triển của công ty hiện có.
- Mở rộng đầu tư vào các ngành khác như: bất động sản, du lịch cao cấp, cơ sở hạ tầng, ...
- Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh không những trong nước mà còn các nước ASEAN khác.

Mỗi doanh nghiệp, muốn tồn tại trên thương trường và phát triển lâu

dài, cần phải có một triết lý kinh doanh (business philosophy) và xem đó như kim chỉ nam cho mọi hành động kinh doanh của mình. Cụ thể hóa triết lý kinh doanh kinh doanh ấy chính là mục tiêu và định hướng phát triển. Tại công ty TNHH Thương mại Nam Cường, định hướng phát triển là gắn chặt với sự phát triển của thị trường trong nước và vươn ra thị trường thế giới.

#### **4.3. Xây dựng Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Thương Mại Nam Cường**

Trong xây dựng BCBP, có một số các tiêu thức đánh giá cần thiết như: doanh thu bộ phận, kết quả bộ phận, tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận, nợ phải trả bộ phận, tổng chi phí phát sinh trong niên độ mua tài sản cố định, tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn bộ phận,.... Kết quả bộ phận có thể cung cấp nhưng thông tin chi tiết, cắt lớp từng bộ phận của DN. Từ đó, nhà quản trị có thể nắm bắt kịp thời tình hình, đánh giá ảnh hưởng, kết quả, hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận đối với toàn DN, và đưa ra những quyết định kinh doanh phù hợp.

Với tình hình thực tế chưa có báo cáo nào hàng tháng cung cấp thông tin về hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận từng bộ phận, cũng như toàn DN, và đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị. Trước những tình hình, mong muốn đó, tác giả mạnh dạn đưa ra bảng xây dựng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (khu vực địa lý kinh doanh của DN không rõ ràng, cụ thể, nên tác giả không đưa ra đề xuất xây dựng BCBP theo khu vực địa lý) của Công ty TNHH TM Nam Cường tháng 12 năm 2015 với các số liệu chi phí, doanh thu thực tế được tập hợp như sau:



**Bảng 4.1: Bảng phân loại chi phí doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động**  
**Tháng 12 năm 2015**

*ĐVT: Đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Bán Xe tải</b>	<b>Xe Bus</b>	<b>Taxi</b>	<b>Toàn doanh nghiệp</b>
<b>1. Chi phí biến đổi</b>	<b>23,564,371,265</b>	<b>755,813,613</b>	<b>361,185,512</b>	<b>24,681,370,390</b>
Lương CB CNV	194,715,648	457,930,140	65,682,692	718,328,480
BHYT, BHXH, KPCĐ	42,837,443	100,744,631	14,450,192	158,032,266
Xăng A92			220,226,851	220,226,851
Tem đề can Taxi			3,000,000	3,000,000
Tiền cầu phà			285,000	285,000
Sửa chữa thường xuyên xe		7,976,092	40,040,777	48,016,869
Va chạm xe			17,500,000	17,500,000
Dầu Diesel		152,740,000		152,740,000
Tiền ăn ca		18,600,000		18,600,000
Vé xe Bus		17,822,750		17,822,750
Giá vốn hàng hóa bán ra	23,326,818,174			23,326,818,174
<b>2. Chi phí cố định bộ phận</b>	<b>1,680,556</b>	<b>106,666,667</b>	<b>329,546,839</b>	<b>437,894,062</b>
Khấu hao TSCĐ từng bộ phận	1,680,556	106,666,667	329,546,839	437,894,062
<b>3. Chi phí cố định chung</b>				<b>152,304,136</b>
Lương CB CNV				73,615,382
BHYT, BHXH, KPCĐ				16,195,384
Tiền ăn ca				13,420,000
Khấu hao TSCĐ				33,122,081
Khấu hao CCDC				15,951,289

Dựa vào bảng số liệu tác giả đã tập hợp, phân loại theo từng bộ phận ở trên, để lập BCBP, DN có thể theo dõi chi tiết từng DN riêng biệt, chi phí trực tiếp, chi phí cố định của từng bộ phận theo dõi riêng biệt, các chi phí chung của toàn DN không cụ thể cho từng bộ phận nào thường không phân bổ (nếu phân bổ thì phải có căn cứ, tiêu thức phân bổ phù hợp, tránh phân bổ không phù hợp ảnh hưởng đến kết quả không chính xác từng bộ phận). Từ các cách theo dõi chi phí, doanh thu, phân bổ chi phí chung như vậy, ta có thể lập được bảng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

**Bảng 4.2: Báo cáo bộ phận công ty TNHH TM Nam Cường theo lĩnh vực hoạt động**

**Tháng 12 năm 2015**

*ĐVT: Đồng*

Chỉ tiêu	Xe tải		Xe Bus		Taxi		Toàn doanh nghiệp	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
<b>Doanh thu</b>	<b>26,318,454,542</b>	<b>100</b>	<b>590,460,000</b>	<b>100</b>	<b>1,238,411,818</b>	<b>100</b>	<b>28,147,326,360</b>	<b>100</b>
<b>Trừ chi phí biến đổi</b>	<b>23,564,371,265</b>	<b>89.5</b>	<b>755,813,613</b>	<b>128</b>	<b>361,185,512</b>	<b>29</b>	<b>24,681,370,390</b>	<b>88</b>
Lương CB CNV	194,715,648	0.74	457,930,140	77.6	65,682,692	5.3	718,328,480	2.55
BHYT, BHXH, KPCĐ	42,837,443	0.16	100,744,631	17.1	14,450,192	1.17	158,032,266	0.56
Xăng A92					220,226,851	17.8	220,226,851	0.78
Tem đề can Taxi					3,000,000	0.24	3,000,000	0.01
Tiền cầu phà					285,000	0.02	285,000	0
Sửa chữa xe			7,976,092	1.35	40,040,777	3.23	48,016,869	0.17
Va chạm xe					17,500,000	1.41	17,500,000	0.06
Dầu Diesel			152,740,000	25.9			152,740,000	0.54
Tiền ăn ca			18,600,000	3.15			18,600,000	0.07
Vé xe Bus			17,822,750	3.02			17,822,750	0.06
Giá vốn hàng bán ra	23,326,818,174	88.63					23,326,818,174	82.9

<b>Lãi góp</b>	<b>2,754,083,277</b>	10.46	<b>-165,353,613</b>	-28	<b>877,226,306</b>	70.8	<b>3,465,955,970</b>	12.3
<b>Trừ chi phí cố định bộ phận</b>	<b>1,680,556</b>	0.01	<b>106,666,667</b>	18.1	<b>329,546,839</b>	26.6	<b>437,894,062</b>	1.56
Khấu hao TSCĐ từng bộ phận	1,680,556	0.01	106,666,667	18.1	329,546,839	26.6	437,894,062	1.56
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>2,752,402,721</b>	<b>10</b>	<b>-272,020,280</b>	<b>-46</b>	<b>547,679,467</b>	<b>44</b>	<b>3,028,061,908</b>	<b>11</b>
<b>Trừ chi phí cố định chung</b>							<b>152,304,136</b>	<b>0.5</b>
Lương CB CNV							73,615,382	0.26
BHYT, BHXH, KPCĐ							16,195,384	0.06
Tiền ăn ca							13,420,000	0.05
Khấu hao TSCĐ							33,122,081	0.12
Khấu hao CCDC							15,951,289	0.06
<b>Lợi nhuận thuần</b>							<b>2,875,757,772</b>	<b>10</b>

#### **4.4. Điều kiện thực hiện và kiến nghị**

##### **4.4.1. Về phía nhà nước**

Với ngành nghề kinh doanh trong nhiều lĩnh vực như công ty TNHH Thương mại Nam Cường, đặc biệt là với tình hình kinh tế cả nước nói chung và kinh tế toàn tỉnh nói riêng còn nhiều khó khăn, ban lãnh đạo tỉnh cần quan tâm hỗ trợ, thường xuyên gặp gỡ, tổ chức lấy ý kiến, giải quyết những vướng mắc trong kinh doanh của các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi kinh doanh cho các doanh nghiệp, cần tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo và phổ biến kiến thức pháp luật, cung cấp thông tin kịp thời cho các doanh nghiệp. Nhà nước cần tạo điều kiện hơn nữa, đưa ra những chính sách kích lệ, động viên, tạo điều kiện, những định hướng kinh tế hướng dẫn doanh nghiệp hoạt động tốt hơn, phát triển hơn góp phần

cải thiện kinh tế xã hội, kinh tế quốc dân.

Bên cạnh đó, lập báo cáo bộ phận là điều thực sự cần thiết đối với những DN có nhiều lĩnh vực kinh doanh, khu vực địa lý, đặc biệt là các DN cung cấp thông tin ra bên ngoài như: niêm yết trên sàn chứng khoán, cần huy động vốn đầu tư,... Báo cáo bộ phận không chỉ cung cấp kết quả kinh doanh riêng biệt từng bộ phận và toàn DN, mà qua đó, nhà quản lý có thể đánh giá kịp thời hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN, nhằm đưa ra những quyết định phù hợp. Do vậy, về phía nhà nước cần có những chính sách, quy định chi tiết, chặt chẽ hơn nữa để các DN có thể dễ dàng áp dụng, thực hiện giúp người sử dụng báo cáo có thể đánh giá hiệu quả, tình hình DN chính xác hơn.

#### **4.4.2. Về phía doanh nghiệp**

- Tạo môi trường làm việc thân thiện và an toàn, tạo sự đoàn kết nhất trí trong tập thể công nhân viên, làm cho mục tiêu phấn đấu của họ thống nhất với mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. Quan tâm đến đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho nhân viên.

- Giữ vững chất lượng sản phẩm, dịch vụ, ổn định giá cả, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, mở rộng thị trường. Mở rộng thị trường là vấn đề mấu chốt trong việc gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần đầu tư hơn nữa cho việc nghiên cứu thị trường và quảng cáo giới thiệu sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

- Áp dụng phương thức kinh doanh thuận tiện nhất cho khách hàng như giao hàng tận nơi, bán hàng trả chậm.

- Nâng cao lợi nhuận của Xí nghiệp bằng cách giảm các chi phí.

- Khuyến khích nhân viên nâng cao hiệu quả lao động thông qua hình thức trả lương, khen thưởng hợp lý.

- Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nhất các chi phí và phương tiện vận chuyển.

#### **4.5. Kết luận**

Qua khảo sát và nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng tình hình lập báo cáo bộ phận tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường, tác giả nhận thấy rằng: DN hiện nay chưa lập báo cáo bộ phận, đặc biệt là theo lĩnh vực kinh doanh như đặc điểm tình hình hiện nay của DN. Các báo cáo phục vụ mục đích kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động mới chỉ dừng ở mức lập Báo cáo doanh thu, chi phí theo tiểu khoản hàng tháng, Báo cáo kết quả kinh doanh, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ DN lập theo năm, không lập theo tháng. Như vậy, DN không lập Báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng chủ doanh nghiệp sẽ không biết được chính xác con số lãi lỗ, tình hình kinh doanh cụ thể trong tháng đó ra sao. Đặc biệt là với 3 lĩnh vực DN đang kinh doanh, khi không theo dõi, lập báo cáo theo bộ phận, nhà quản trị sẽ không biết được chính xác kết quả kinh doanh của từng bộ phận, bộ phận nào đem lại lợi nhuận cao, bộ phận nào đem lại lợi nhuận thấp, bộ phận nào không đem lại lợi nhuận, làm ảnh hưởng đến con số tổng lợi nhuận của DN, rủi ro, lợi ích của từng bộ phận kinh doanh.

Với kết quả khảo sát, chủ DN mong muốn có một báo cáo kế toán cung cấp yêu cầu thông tin, kết quả, hiệu quả kinh doanh theo từng lĩnh vực hiện nay để phục vụ cho việc ra quyết định quản trị, kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, tác giả mạnh dạn đưa ra Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, phù hợp đặc điểm tình hình hiện nay của DN. Báo cáo bộ phận được lập theo số liệu, thông tin kế toán cung cấp của tháng 12 năm 2015 với các nội dung: Doanh thu từng bộ phận, chi phí biến đổi bộ phận, lãi gộp, chi phí cố định bộ phận, lợi nhuận bộ phận, chi phí cố định chung (toàn DN), và lợi nhuận thuần toàn DN.

## TÓM TẮT CHƯƠNG 4

Với việc đưa ra các thực trạng, kết quả thảo luận, ưu điểm, hạn chế ở chương 3, trong chương 4, tác giả đưa ra những kết luận, kiến nghị, sự cần thiết phải xây dựng báo cáo bộ phận, định hướng phát triển công ty, gợi ý một số chỉ tiêu xây dựng báo cáo bộ phận và xây dựng báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại công ty. Bên cạnh đó, tác giả chỉ ra những điều kiện để thực hiện và những kiến nghị về phía nhà nước và doanh nghiệp để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **I. Tài liệu Việt Nam**

1. Lê Thị Tú Oanh và Phạm Thị Hồng Hoa, 2016, Công bố thông tin về báo cáo bộ phận trong các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Kế toán sáng tạo: Góc nhìn từ kế toán và quản lý, Trường Đại học Quy Nhơn, tr. 274-284

2. Nguyễn Thị Phương Thúy, 2010. Hoàn thiện báo cáo bộ phận trong kế toán Việt Nam theo hướng phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Phạm Thị Thủy, 2013, Trình bày và sử dụng thông tin về báo cáo bộ phận theo VAS 28 tại các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Kinh tế & Phát triển, số Đặc Biệt, tr. 42-48

4. Trần Thị Thúy An, 2013. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện trình bày và công bố báo cáo bộ phận của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh

### **II. Tài liệu nước ngoài**

5. Alfaraih, M.M. and Alanezi, F.S., 2011, What Explains Variation In Segment Reporting? Evidence From Kuwait, International Business And Economic Research Journal

6. Benjamin, S.J., Muthaiyah, S., Marathamuthu, M.S., and Murugaiah, U., 2010, A Study of Segment Reporting Practices: A Malaysian Perspective, The Journal of Applied Business Research

7. Colin Drury, 2012, Management Control Systems, Management And Cost Accounting Eighth Edition, pp. 393-396

8. Ijiri, Y., 1995, Segment statements and informativeness

measures: Managing capital vs. Managing resources, Accounting Horizons, p. 21

9. Pardal, P.N. and Morais A.I., 2010, Segment Reporting Under IFRS8 – Evidence From Spanish Listed Firms, Polytechnic Institute of Setusbal (IPS)- Business School (ESCE) and ISCTE business School

10. [www.cimaglobal.com](http://www.cimaglobal.com)

11. <http://www.sternstewart.com>

12. <https://vi.wikipedia.org>

13. <https://voer.edu.vn>



## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1

#### PHIẾU KHẢO SÁT VỀ VIỆC LẬP BÁO CÁO BỘ PHẬN TRONG DOANH NGHIỆP

Kính thưa anh (chị)!

Hiện nay, chúng tôi đang nghiên cứu về việc lập Báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát, đánh giá hiệu quả tại Công ty TNHH Thương mại Nam Cường.

Ý kiến của quý anh (chị) sẽ là những đóng góp vô cùng quý giá đối với nghiên cứu. Toàn bộ thông tin thu được sẽ được bảo mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu. Rất mong sự giúp đỡ của quý anh (chị). Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

*Báo cáo bộ phận* được hiểu là báo cáo của các đơn vị, các mặt hoạt động, các khu vực địa lý, lĩnh vực kinh doanh trong một tổ chức, doanh nghiệp mà qua đó nhà quản trị có thể xem xét, kiểm soát, đánh giá hiệu quả kinh doanh, hoạt động đối với những bộ phận đó.

Anh (chị) vui lòng khoanh tròn vào phương án mà mình lựa chọn:

**1. Doanh nghiệp anh (chị) hiện nay có kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động qua báo cáo kế toán chưa?**

- A. Có
- B. Không

**2. Các báo cáo cung cấp cho nhà quản trị gồm:**

- A. Báo cáo tài chính theo quy định
- B. Báo cáo theo yêu cầu nhà quản trị

**3. Doanh thu được theo dõi như thế nào?**

- A. Toàn doanh nghiệp

- B. Chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh
- C. Chi tiết theo từng khu vực địa lý.
- D. Theo mặt hàng
- E. Theo khách hàng
- F. Khác

**4. Chi phí trực tiếp được theo dõi như thế nào?**

- A. Toàn doanh nghiệp
- B. Chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh
- C. Chi tiết theo từng khu vực địa lý
- D. Theo mặt hàng
- E. Theo khách hàng
- F. Khác

**5. Chi phí chung được phân bổ như thế nào?**

- A. Theo từng lĩnh vực kinh doanh
- B. Theo từng khu vực địa lý
- C. Theo mặt hàng
- D. Theo khách hàng
- E. Khác

**6. Lợi nhuận được xác định như thế nào?**

- A. Theo từng lĩnh vực kinh doanh
- B. Theo từng khu vực địa lý
- C. Theo mặt hàng
- D. Theo khách hàng
- E. Khác

**7. DN đã lập Báo cáo bộ phận theo yêu cầu nhà quản trị chưa?**

- A. Có
- B. Chưa

**8. Nếu đã lập, báo cáo theo bộ phận được lập là:**

- A. Báo cáo theo khu vực địa lý
- B. Báo cáo theo mặt hàng
- C. Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh
- D. Báo cáo theo khách hàng
- E. Khác (nêu rõ): ...

*(Câu hỏi sau dành riêng cho ban lãnh đạo doanh nghiệp)*

**A. Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần thông tin gì cho việc ra quyết định?**

.....

.....

.....

**B. Kế toán cần làm gì để đáp ứng đầy đủ hơn nữa yêu cầu thông tin cho ban lãnh đạo doanh nghiệp:**

.....

.....

.....

## **II. Một số thông tin cá nhân**

**1. Giới tính**

- A. Nam
- B. Nữ

**2. Chức vụ:** .....

**3. Độ tuổi:** .....

**4. Trình độ?**

- A. Trung cấp
- B. Cao đẳng
- C. Đại học
- D. Trên đại học
- F. Khác

**5. Đã qua đào tạo chuyên ngành kế toán ?**

A. Có

B. Không

*(Câu hỏi dành cho Kế toán)*

**6. Kinh nghiệm làm việc: .....**

**7. Kỹ năng làm việc: .....**

*Trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp chân thành của anh  
(chị)!*

**PHU LUC 2:**

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH BÁN XE CÔNG TY TNHH THƯƠNG  
MẠI NAM CƯỜNG NĂM 2015**

NỘI DUNG	NAM CƯỜNG												
	Năm 2015												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
FLD099 (A+B)	-	-	1	1	1	1	1	1	1	2	2	-	11
FLD200-4WD	-	-	-	-	-	-	1	1	1	1	1	1	6
FLD250 (A+B)	-	-	2	2	1	1	2	1	-	3	-	-	12
FLD345-4WD (A+B)	-	-	-	-	1	1	1	1	1	2	1	1	9
FLD600-4WD	-	-	-	-	1	1	1	1	1	1	1	1	8
FLD800	2	2	6	4	3	5	4	2	2	5	5	3	43
FLD800-4WD	-	-	-	2	-	1	2	1	1	3	1	-	11
FLD1000B	-	-	-	1	1	-	1	1	1	2	-	-	7
FORLAND BEN	2	3	12	11	8	10	13	10	8	20	12	7	116
FORLAND	2	3	12	11	8	10	13	10	8	20	12	7	116
TOWNER750	-	-	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	11
TOWNER950	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
TOWNER950 (92PS) - [T04]	-	-	-	1	1	1	1	1	1	1	1	1	9
TOWNER	-	-	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	21
OLLIN 250	-	-	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11
OLLIN 345A	-	-	-	1	1	1	1	1	1	1	1	1	9
OLLIN 450A	2	1	3	4	1	1	1	1	1	1	1	5	22
OLLIN600	-	-	-	-	3	3	3	3	3	3	3	-	21
OLLIN 800A	4	1	-	7	-	2	2	2	2	2	-	4	26
OLLIN 800B	-	-	-	-	7	5	5	5	2	2	3	1	30

<b>OLLIN900A</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	2	-	4
<b>OLLIN950A</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	2	1	7
<b>OLLIN</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>130</b>
<b>AUMAN820</b>	1	-	-	-	-	-	1	1	1	1	1	1	7
<b>AUMAN990</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	1	3
<b>C2400R/P230 (6x2R)</b>	1	1	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	20
<b>C3000/W340</b>	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	2
<b>C3400/W340 (10x5)</b>	-	-	-	-	2	1	2	1	2	2	2	2	14
<b>FV380 (6x4)</b>	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	1
<b>FV375 (375Ps)</b>	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	1
<b>AUMAN</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>48</b>
<b>SMRM</b>	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	1
<b>FOTON</b>	<b>8</b>	<b>3</b>	<b>7</b>	<b>15</b>	<b>17</b>	<b>19</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>179</b>
<b>DÒNG SP TRUNG CẤP</b>	<b>10</b>	<b>6</b>	<b>21</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>31</b>	<b>33</b>	<b>29</b>	<b>28</b>	<b>41</b>	<b>33</b>	<b>28</b>	<b>316</b>
Frontier 125	5	-	2	3	2	3	3	3	2	3	3	2	31
Frontier 140	8	4	12	14	11	14	4	7	8	5	3	4	94
K135	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1
K165	-	-	5	3	6	3	8	4	10	8	9	6	62
<b>FRONTIER</b>	<b>13</b>	<b>4</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	<b>20</b>	<b>17</b>	<b>15</b>	<b>12</b>	<b>188</b>
<b>HD345</b>	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	2
<b>HD72-CKD</b>	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2
HD350-CKD	-	-	1	-	1	1	1	-	1	-	-	1	6
HD450-CKD	-	-	-	-	2	2	2	1	1	-	1	1	10
HD170	-	-	-	-	-	-	1	1	1	1	1	1	6
HD210	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1	2
<b>HYUNDAI</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>28</b>

<b>XE CHUYÊN DỤNG</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CAO CẤP</b>	<b>15</b>	<b>4</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>19</b>	<b>16</b>	<b>23</b>	<b>19</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>216</b>
<b>HB70ES (29 Chỗ)</b>	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	2
<b>HC70CT (CITY-B40)</b>	11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	16
<b>THACO COUNTY</b>	<b>11</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5</b>	<b>18</b>
<b>TB 82S (8.2m - 29 chỗ)</b>	-	-	-	-	1	1	1	-	-	1	1	1	6
<b>THACO TB75S/TB82S/CT45</b>	-	-	-	-	1	1	1	-	-	1	1	1	6
<b>HB120SSL</b>	-	-	-	2	2	-	2	2	2	2	-	-	12
<b>MOBIHOME - HB</b>	-	-	-	2	2	-	2	2	2	2	-	-	12
<b>THACO BUS</b>	<b>11</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>36</b>
<b>TỔNG CỘNG BÁN LẺ</b>	<b>36</b>	<b>10</b>	<b>42</b>	<b>51</b>	<b>54</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>47</b>	<b>54</b>	<b>63</b>	<b>51</b>	<b>50</b>	<b>568</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36</b>	<b>10</b>	<b>42</b>	<b>51</b>	<b>54</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>47</b>	<b>54</b>	<b>63</b>	<b>51</b>	<b>50</b>	<b>568</b>

(Nguồn: Số liệu tác giả thu thập)

**PHU LUC 3:****SỔ CHI TIẾT DOANH THU KINH DOANH XE BUS, XE TAXI,  
BÁN XE TẢI CỦA DN**

(Do bài nghiên cứu bị giới hạn, nên những sổ chi tiết doanh thu tháng 12-2015 quá dài, tác giả xin phép đưa ra ví dụ trang đầu và trang cuối để minh họa):

**Phụ lục 3a: Sổ Chi tiết Doanh thu xe Bus**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG

SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CƠ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

*Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày: 31/12/2015*

**Tài khoản: 5113B - Doanh thu xe BUS**

Chứng từ			Diễn giải	Tk Đ/ư	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>5 205 463 000</b>
PT	01/12/2015	XB302	Thu tiền vé xe BUS	1111		19 465 000
PT	02/12/2015	XB303	Thu tiền vé xe BUS	1111		13 337 000
PT	03/12/2015	XB304	Thu tiền vé xe BUS	1111		13 253 000
PT	04/12/2015	XB305	Thu tiền vé xe BUS	1111		17 579 000
PT	05/12/2015	XB306	Thu tiền vé xe BUS	1111		22 319 000
PT	06/12/2015	XB307	Thu tiền vé xe BUS	1111		25 959 000
PT	07/12/2015	XB308	Thu tiền vé xe BUS	1111		15 982 000
PT	08/12/2015	XB309	Thu tiền vé xe BUS	1111		11 547 000
PT	09/12/2015	XB310	Thu tiền vé xe BUS	1111		11 632 000
PT	10/12/2015	XB311	Thu tiền vé xe BUS	1111		11 953 000
PT	11/12/2015	XB312	Thu tiền vé xe BUS	1111		16 843 000
PT	12/12/2015	XB313	Thu tiền vé xe BUS	1111		18 631 000
PT	13/12/2015	XB314	Thu tiền vé xe BUS	1111		22 188 000
PT	14/12/2015	XB315	Thu tiền vé xe BUS	1111		13 844 000
PT	15/12/2015	XB316	Thu tiền vé xe BUS	1111		12 377 000
PT	16/12/2015	XB317	Thu tiền vé xe BUS	1111		12 129 000
PT	17/12/2015	XB318	Thu tiền vé xe BUS	1111		14 117 000
PT	18/12/2015	XB319	Thu tiền vé xe BUS	1111		17 317 000
PT	19/12/2015	XB320	Thu tiền vé xe BUS	1111		22 026 000
PT	20/12/2015	XB321	Thu tiền vé xe BUS	1111		19 869 000
PT	21/12/2015	XB322	Thu tiền vé xe BUS	1111		17 774 000
PT	22/12/2015	XB323	Thu tiền vé xe BUS	1111		13 614 000
PT	23/12/2015	XB324	Thu tiền vé xe BUS	1111		11 750 000



PT	24/12/2015	XB325	Thu tiền vé xe BUS	1111		16 268 000
PT	25/12/2015	XB326	Thu tiền vé xe BUS	1111		22 424 000
PT	26/12/2015	XB327	Thu tiền vé xe BUS	1111		22 223 000
PT	27/12/2015	XB328	Thu tiền vé xe BUS	1111		28 091 000
PT	28/12/2015	XB329	Thu tiền vé xe BUS	1111		26 253 000
PT	29/12/2015	XB330	Thu tiền vé xe BUS	1111		33 772 000
PT	30/12/2015	XB331	Thu tiền vé xe BUS	1111		30 317 000
PT	31/12/2015	XB332	Thu tiền vé xe BUS	1111		35 607 000
PK	31/12/2015	VAT61	Kết chuyển doanh thu	9111	5 795 923 000	
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>5 795 923 000</b>	<b>590 460 000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*Ngày...tháng....năm*  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**Phu lục 3b: Sổ chi tiết Doanh thu cung cấp dịch vụ Taxi**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG

SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CƠ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN***Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày: 31/12/2015***Tài khoản: 5113T- Doanh thu cung cấp dịch vụ TAXI**

Chứng từ			Diễn giải	Tk Đ/ư	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>9 853 023 555</b>
PT	01/12/2015	0003826	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		9 145 455
PT	02/12/2015	0003827	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		22 369 091
PT	03/12/2015	0003829	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		17 299 091
PT	04/12/2015	0003830	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		46 774 545
PT	06/12/2015	0003831	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		86 780 909
PT	07/12/2015	0003832	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		10 009 091
PT	08/12/2015	0003833	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		26 820 909
PT	09/12/2015	0003834	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		19 177 273
PT	10/12/2015	0003835	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		35 221 818
PT	11/12/2015	0003836	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		16 424 545
PT	13/12/2015	0003837	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		71 775 455
PT	14/12/2015	0003838	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		9 837 273
PT	15/12/2015	0003839	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		1 290 000
PT	15/12/2015	0003840	Cước taxi	111		30 699 091
PT	16/12/2015	0003841	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		27 580 909
PT	17/12/2015	0003842	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		28 936 364
PT	18/12/2015	0003843	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		30 364 545
PT	20/12/2015	0003844	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		73 188 182
PT	21/12/2015	0003845	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		17 424 545
PT	22/12/2015	0003846	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		36 408 182
PT	23/12/2015	0003847	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		15 040 000
PT	23/12/2015	0003848	Cước taxi	111		1 050 000
PT	23/12/2015	0003849	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		15 133 636
PT	24/12/2015	0003851	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		44 111 818
PT	25/12/2015	0003951	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		36 694 545
PT	27/12/2015	0003952	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		95 401 818
PT	28/12/2015	0003953	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		20 228 182
PT	28/12/2015	0003954	Cước taxi	111		1 100 000
PT	29/12/2015	0003955	Cước taxi	111		1 190 000
PT	29/12/2015	0003956	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		50 808 182
PT	30/12/2015	0003957	Cước taxi	111		9 749 091
PT	30/12/2015	0003958	Cước taxi	111		8 069 091
PT	30/12/2015	0003959	Thu Cước taxi Cty TNHH VINA CTS	111		13 545 455
PT	30/12/2016	0003960	Cước taxi	111		4 642 727
PT	30/12/2017	0003961	Cước taxi	111		1 677 273
PT	30/12/2018	0003962	Thu tiền cước TAXI khách vãng lai	111		30 366 364
PT	31/12/2019	0003964	Cước taxi	111		1 000 000
PT	31/12/2020	0003965	Thu Cước taxi CN Hà Nội - Cty TNHH kiểm toán Hùng Vương	111		351 818
PT	31/12/2021	0003966	Thu Cước taxi Cty CP Đầu tư & TM Thái Dương	111		4 877 273

PT	31/12/2022	0003967	Doanh thu khoản 5 xe TAXI tháng 12/2015 theo bảng kê	111		12 500 000
PT	31/12/2023	0003967	Doanh thu khoản 5 xe TAXI tháng 12/2015 theo bảng kê	331		14 772 727
PT	31/12/2024	0003969	Doanh thu khoản 27 xe TAXI tháng 12/2015 theo bảng kê	111		63 750 000
PT	31/12/2025	0003969	Doanh thu khoản 27 xe TAXI tháng 12/2015 theo bảng kê	131		110 113 636
PT	31/12/2026	0003970	Thu tiền cước TAXI khách vắng lái	111		56 387 273
PK	31/12/2027	0003963	Cước taxi	131		8 323 636
PK	31/12/2028	VAT61	Kết chuyển doanh thu	911	11 090 435 373	
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>11 090 435 373</b>	<b>1 238 411 818</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*Ngày...tháng...năm*  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**Phu lục 3c: Sổ chi tiết Doanh thu bán xe tải**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG

SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CỐ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015

**Tài khoản: 5113XT - Doanh thu bán xe tải**

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>250 596 702 895</b>
HD	01/12/2015	0003797	Xe ô tô tải có mui 7 tấn THACO OLLIN 700C - SK: 072187/ SM: 09839	111		422 727 273
HD	03/12/2015	0003851	Xe ô tô tải có mui 6.95 tấn THACO OLLIN 700B - SK: 072754/ SM: 006583	111		450 000 000
HD	04/12/2015	0003852	Xe ô tô tải có mui 3 tấn THACO HD 345 - SK: 049926/ SM: 580408	111		545 454 545
HD	04/12/2015	0003853	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K 165 - SK: 076171/ SM: 688338	111		317 000 000
HD	04/12/2015	0003854	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K 165 - SK: 076140/ SM: 688705	111		317 000 000
HD	05/12/2015	0003857	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K 165 - SK: 074787/ SM: 687225	111		317 000 000
HD	05/12/2015	0003859	Xe ô tô tải có mui 7.9 tấn THACO OLLIN 800A - SK: 060246/ SM: 00581	111		527 272 727
HD	05/12/2015	0003860	Xe ô tô tải có mui 1.25 tấn FRONTIER 125 - SK: 075148/ SM: 731905	111		273 000 000
HD	05/12/2015	0003861	Xe ô tô tải thùng kín 3.25 tấn THACO 350 - SK: 072252/ SM: 605839	111		538 000 000
HD	07/12/2015	0003864	Xe ô tô tải có mui 1.25 tấn FRONTIER 125 - SK: 075092/ SM: 731795	111		273 000 000
HD	07/12/2015	0003865	Xe ô tô tải tự đồ 3.45 tấn THACO FLD 345C - SK: 067219/ SM: 930214	111		267 000 000
HD	07/12/2015	0003866	Xe ô tô tải có mui 2.3 tấn THACO K 165 - SK: 075670/ SM: 688934	111		317 000 000
HD	08/12/2015	0003869	Xe ô tô tải có mui 6.95 tấn THACO OLLIN 700B - SK: 073830/ SM: 008103	111		450 000 000
HD	08/12/2015	0003871	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K165 - SK: 076211/ SM: 688522	111		317 000 000

...	...	...	...	...	...	...
HD	31/12/2015	0003927	Xe ô tô tải thùng kín 1.25 tấn FRONTIER 125 - SK: 077132/ SM: J2- 731687	111		273 000 000
PK	31/12/2015	VAT61	Kết chuyển doanh thu	9111	276 915 157 437	
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>276 915 157 437</b>	<b>26 318 454 542</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Ngày... tháng... năm...*

**Kế toán ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)*

**PHU LUC 4:**

**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ TRỰC TIẾP KINH DOANH XE BUS, XE  
TAXI, BÁN XE TẢI CỦA DN**

**Phu lục 4a: Sổ chi tiết Chi phí kinh doanh xe Bus**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG

SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CỐ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày: 31/12/2015

**Tài khoản: 154B - Chi phí dịch vụ xe BUS**

Chứng từ			Diễn giải	Tk Đ/ư	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>2 360 598 558</b>	
PK	03/12/2015	0003005	Dầu diesel xe buýt 1.033 lít	331	14 234 740	
PC	10/12/2015	0011	Thanh toán tiền ăn ca xe buýt tháng 11/2015	1111	18 000 000	
PK	11/12/2015	0001979	In vé xe buýt	331	16 172 750	
PK	18/12/2015	0003162	Dầu diesel xe buýt 5.586 lít	331	75 355 140	
PK	28/12/2015	0002119	In vé tháng xe buýt	331	1 650 000	
PX	31/12/2015	TX023	Xuất vật tư phụ tùng sửa chữa thường xuyên xe Buýt tháng 12/2015	1523	3 848 885	
PX	31/12/2015	TX023	Xuất vật tư phụ tùng sửa chữa thường xuyên xe Buýt tháng 12/2015	1524	4 127 207	
PK	31/12/2015	0003350	Dầu diesel xe buýt 5.172 lít	331	63 150 120	
PK	31/12/2015	VAT63	Kết chuyển chi phí SX dở dang	6321		2 557 137 400
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>196 538 842</b>	<b>2 557 137 400</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng....năm

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**Phu lục 4b: Sổ chi tiết Chi phí kinh doanh xe Taxi**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG

SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CỐ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày: 31/12/2015

**Tài khoản: 154T - Chi phí dịch vụ TAXI**

Chứng từ			Diễn giải	Tk Đ/ư	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>2 765 415 762</b>	
PK	03/12/2015	0003006	Xăng A92 895 lít	331	14 149 136	
PK	15/12/2015	0021722	Xăng A92 2.117 lít	331	32 948 226	
PK	18/12/2015	0003163	Xăng A92 1.650 lít	331	56 807 273	
PK	30/12/2015	0002177	In 20 bộ tem để can xe TAXI	331	3 000 000	
PC	31/12/2015	00031	Thanh toán tiền cầu phà tháng 12/2015 (Taxi 285.000, Xe quản lý: 1255.000)	1111	285 000	
PX	31/12/2015	TX022	Xuất vật tư phụ tùng sửa chữa thường xuyên xe taxi tháng 12/2015	1523	4 315 318	
PX	31/12/2015	TX022	Xuất vật tư phụ tùng sửa chữa thường xuyên xe taxi tháng 12/2015	1524	35 725 459	
PK	31/12/2015	0000439	Xăng A92 2.246.5 lít	331	34 500 616	
PK	31/12/2015	0003362	Xăng A92 2.380 lít	331	36 312 800	
PK	31/12/2015	0022095	Xăng A92 2.294 lít	331	45 508 800	
PK	31/12/2015	3967	Đỗ Cường Anh	331	17 500 000	
PK	31/12/2015	VAT63	Kết chuyển chi phí SX dở dang	6321		3 046 468 390
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>281 052 628</b>	<b>3 046 468 390</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng....năm

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**Phu lục 4c: Sổ chi tiết Chi phí xe tải**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG

SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CỐ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày: 31/12/2015

**Tài khoản: 156 - Hàng hóa**

Chứng từ			Diễn giải	Tk Đ/ư	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>17 364 712 078</b>	
HD	01/12/2015	0003797	Xe ô tô tải có mui 7 tấn THACO OLLIN 700 C - SK: 072187/SM: 09839	5321		399 909 091
HD	03/12/2015	0003851	Xe ô tô tải có mui 6.95 tấn THACO OLLIN 700 b - SK: 072754/SM: 006583	5321		415 454 545
PN	04/12/2015	0010623	Xe ô tô tải tự đổ 3,45 tấn FOLAND Thaco FLD345/ SK:067219/SM: 930214*	331	240 000 000	
HD	04/12/2015	0003852	Xe ô tô tải có mui 3 tấn THACO K 345 SK: 049926/SM: 580408	6321		536 727 273
HD	04/12/2015	0003853	Xe ô tô tải có mui 3 tấn THACO K 165 SK: 076171/SM: 688338	6321		302 363 636
HD	04/12/2015	0003854	Xe ô tô tải có mui 3 tấn THACO K 165 SK: 076140/SM: 688705	6321		302 363 636
PN	05/12/2015	0010641	Xe ô tô tải có mui 6.95 tấn FOTON THACO OLLIN- CS/MB1-1 SK:073830/SM: 008103	331	415 454 545	
HD	05/12/2015	0003857	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K 165 SK: 074787 / SM: 687225	6321		302 363 636
HD	05/12/2015	0003859	Xe ô tô tải có mui 7.9 tấn OLLIN 800A SK: 060246/ SM: 00581	6321		489 090 909
HD	05/12/2015	0003860	Xe ô tô tải có mui 1.25 tấn FRONTIER 125 SK: 075148/SM: 731905	6321		253 000 000
HD	05/12/2015	0003861	Xe ô tô tải thùng kín 3.25 tấn THACO HD 350 SK: 075252/ SM: 605839	6321		518 818 182
HD	07/12/2015	0003864	Xe ô tô tải có mui 1.25 tấn FRONTIER 125 SK: 075092/SM: 731795	6321		253 000 000



HD	07/12/2015	0003865	Xe ô tô tải tự đổ 3.45 tấn THACO FLD345 C SK: 067219/SM: 930214	6321		240 000 000
HD	07/12/2015	0003866	Xe ô tô tải thùng kín 2.3 tấn THACO K 165 SK: 075670/ SM: 688934	6321		307 090 909
PN	08/12/2015	0010740	Xe ô tô tải (CM) 650 kg /SK: 075824, xe tự đổ 7,7 tấn SK: 074885, xe có mui 4,995 tấn SK: 076829	331	847 090 909	
HD	08/12/2015	0003869	Xe ô tô tải có mui 6.950 tấn OLLIN 700B SK: 073830/SM: 008103	6321		415 454 545
HD	08/12/2015	0003871	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K 165 SK: 076211/SM: 688522	6321		302 363 636
PN	09/12/2015	0010768	Điều chỉnh giảm xe ô tô tải TK 3,25 tấn SK: 075282, 02 xe tải có mui 20,5 tấn Thaco AUMAN C34 - SK: 060554, SK: 063791	331	-59 090 901	
...	...	...	...	...	...	...
PN	31/12/2015	0013392	Xe ô tô tải (TK) 3,8 tấn Thaco HD450 /SK: 056106, xe ô tô tải có mui 2,4 tấn Thaco K165/SK: 079311	331	843 181 818	
PN	31/12/2016	0013393	Xe ô tô tải (CM) 7 tấn Thaco OLLIN700C /SK: 078143, xe ô tô tải thùng kín 7 tấn Thaco LLIN700C/SK: 078165	331	803 272 727	
PN	31/12/2017	0013656	Điều chỉnh giảm xe ô tô tải 1.4 tấn Thaco FRONTIER 140 - SK: 052524/SM: JT- 673292	331	-2 727 273	
HD	31/12/2018	0003927	Xe ô tô tải thùng kín 1.25 tấn FRONTIER 125 SK: 077132/SM: J2-731687	6321		23 326 818 174
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>14 066 581 814</b>	
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>8 104 475 718</b>	

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**PHU LUC 5: CÁC CHI PHÍ KHÁC****Phụ lục 5a: Bảng tổng hợp lương phải trả****TỔNG HỢP LƯƠNG PHẢI TRẢ QUÝ IV - 2015**

<b>Tên bộ phận</b>	<b>Tháng 10</b>	<b>Tháng 11</b>	<b>Tháng 12</b>	<b>Tổng cộng</b>
Ph. Hành chính	38,884,616	47,134,613	51,615,383	469,709,612
Phòng tài chính	24,665,384	20,750,000	21,999,999	220,415,386
Ph. Kinh doanh 1	107,958,256	101,329,372	123,433,804	1,107,763,137
Ph. Kinh doanh 2				213,812,099
Ph. Dịch vụ	72,704,306	67,636,537	71,281,844	789,646,726
Ph. KD TAXI	65,326,924	61,855,770	65,682,692	768,041,415
<b>Cộng TM, Qlý</b>	<b>309,539,486</b>	<b>298,706,292</b>	<b>334,013,722</b>	<b>3,569,388,375</b>
Đội xe Việt Trì	95,123,900	94,742,740	138,972,500	1,085,698,280
Đội xe Phú Thọ	81,758,980	110,657,500	142,840,240	1,319,489,540
Đội xe Thanh Sơn			42,267,400	42,267,400
Xe buýt	116,939,615	116,000,000	119,850,000	1,263,320,769
Đội xe vận tải	14,000,000	14,000,000	14,000,000	295,346,154
<b>Cộng lái xe</b>	<b>307,822,495</b>	<b>335,400,240</b>	<b>457,930,140</b>	<b>4,006,122,143</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>617,361,981</b>	<b>634,106,532</b>	<b>791,943,862</b>	<b>7,575,510,518</b>
Chuyển khoản	123,897,483	110,369,868		
Ăn ca xe buýt	18,570,000	18,000,000	18,600,00	201,240,000
Ăn ca cơ quan	12,610,000	13,420,000	13,420,000	88,130,000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>635,931,981</b>	<b>652,106,532</b>	<b>810,543,862</b>	<b>7,776,750,518</b>

**(Chú thích:** Tổng lương tháng 12/2015 là 823.963.892 đồng. Kế toán cung cấp thông tin đã tính tổng nhậm)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**Phu lục 5b: Sổ chi tiết TK 632: Giá vốn hàng bán**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG  
SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CỐ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

*Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015*

**Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán**

Chứng từ			Diễn giải	TK Đ/ư	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>238,452,226,414</b>	
HD	01/12/2015	0003797	Xe ô tô tải có mui 7 tấn THACO OLLIN 700C - SK: 072187/ SM: 09839	1561	399,909,091	
HD	03/12/2015	0003851	Xe ô tô tải có mui 6.95 tấn THACO OLLIN 700B - SK: 072754/ SM: 006583	1561	415,454,545	
HD	04/12/2015	0003852	Xe ô tô tải có mui 3 tấn THACO HD 345 - SK: 049926/ SM: 580408	1561	536,727,273	
HD	04/12/2015	0003853	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K 165 - SK: 076171/ SM: 688338	1561	302,363,636	
HD	04/12/2015	0003854	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K 165 - SK: 076140/ SM: 688705	1561	302,363,636	
HD	05/12/2015	0003857	Xe ô tô tải có mui 2.4 tấn THACO K 165 - SK: 074787/ SM: 687225	1561	302,363,636	
HD	05/12/2015	0003859	Xe ô tô tải có mui 7.9 tấn THACO OLLIN 800A - SK: 060246/ SM: 00581	1561	489,090,909	
HD	05/12/2015	0003860	Xe ô tô tải có mui 1.25 tấn FRONTIER 125 - SK: 075148/ SM: 731905	1561	253,000,000	
HD	05/12/2015	0003861	Xe ô tô tải thùng kín 3.25 tấn THACO 350 - SK: 072252/ SM: 605839	1561	518,818,182	
HD	07/12/2015	0003864	Xe ô tô tải có mui 1.25 tấn FRONTIER 125 - SK: 075092/ SM: 731795	1561	253,000,000	
HD	07/12/2015	0003865	Xe ô tô tải tự đổ 3.45 tấn THACO FLD 345C - SK: 067219/ SM:	1561	240,000,000	

			930214			
HD	07/12/2015	0003866	Xe ô tô tải có mui 2.3 tấn THACO K 165 - SK: 075670/ SM: 688934	1561	307,090,909	
HD	08/12/2015	0003869	Xe ô tô tải có mui 6.95 tấn THACO OLLIN 700B - SK: 073830/ SM: 008103	1561	415,454,545	
...	...	...	...	...	...	...
HD	31/12/2015	0003927	Xe ô tô tải thùng kín 1.25 tấn FRONTIER 125 - SK: 077132/ SM: J2- 731687	1561	259,909,091	
PK	31/12/2015	VAT63	Kết chuyển chi phí SX dở dang	154B	2,557,137,400	
PK	31/12/2015	VAT63	Kết chuyển chi phí SX dở dang	154T	3,046,468,390	
PK	31/12/2015	VAT63	Kết chuyển giá vốn	9111		267,382,650,378
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>28,930,423,964</b>	<b>267,382,650,378</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*Ngày... tháng... năm...*  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**Phu lục 5c: Sổ chi tiết TK 641: Chi phí bán hàng**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG  
SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CỐ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015

**Tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng**

Chứng từ			Diễn giải	TK Đ/ư	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>7,264,663,686</b>	
PC	08/12/2015	000812	Cấp tiền ăn trưa tháng 11 theo danh sách	111	18,000,000	
PC	12/12/2015	0021886	Dầu diesel đổ xe trung bày	111	1,091,464	
PC	19/12/2015	0003115	Dầu diesel đổ xe trung bày	111	183,955	
PC	30/12/2015	0000019	Mua dầu nhận xe tại Cty CP TM&DV Trường Lộc Vinh - Nghệ An	111	552,727	
PC	31/12/2015	000312	Cấp tiền ăn trưa tháng 12 theo danh sách	111	18,600,000	
P/9	31/12/2015	L12	Phân bổ tiền lương tháng 12 năm 2015	334	718,328,480	
PK	31/12/2015	VAT65	Kết chuyển chi phí bán hàng	9111		7,399,542,960
PK	31/12/2015	VAT65	Kết chuyển chi phí bán hàng	9111		242,121,888
PK	31/12/2015	VAT65	Kết chuyển chi phí bán hàng	9111		221,316,681
PK	31/12/2015	VAT65	Kết chuyển chi phí bán hàng	9111		158,438,783
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>756,756,626</b>	<b>8,021,420,312</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày... tháng... năm...

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**Phu lục 5d: Sổ chi tiết TK 642: Chi phí Quản lý DN**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG

SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CỐ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/12/2015 đến ngày: 31/12/2015

**Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chứng từ			Diễn giải	Tk Đ/ư	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps nợ	Ps có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>5 966 850 945</b>	
PC	01/12/2015	0000786	Phí công chứng Hợp đồng	1111	1 727 273	
PC	01/12/2015	0001655	Cước chuyển phát nhanh tháng 11	111	855 940	
BN	01/12/2015	0063503	Phí SMS tháng 11/2015	1121	30 000	
BN	01/12/2015	0533493	Phí dịch vụ SMS tháng 10/2015	1121	20 000	
PC	01/12/2015	6783840	Cước điện thoại tháng 11	1111	603 000	
PC	01/12/2015	6783850	Cước điện thoại tháng 11	1111	181 818	
PC	01/12/2015	6783857	Cước điện thoại tháng 11	1111	264 051	
PC	01/12/2015	6783864	Cước điện thoại tháng 11	1111	181 817	
PC	01/12/2015	6783866	Cước điện thoại tháng 11	1111	104 286	
PC	01/12/2015	6783867	Cước điện thoại tháng 11	1111	116 360	
PC	01/12/2015	6783870	Cước điện thoại tháng 11	1111	186 636	
PC	01/12/2015	6783874	Cước điện thoại tháng 11	1111	107 268	
PC	01/12/2015	6783879	Cước điện thoại tháng 11	1111	122 206	
PC	01/12/2015	6783883	Cước điện thoại tháng 11	1111	192 817	
PC	01/12/2015	6783888	Cước điện thoại tháng 11	1111	90 908	
PC	01/12/2015	6783894	Cước điện thoại tháng 11	1111	196 227	
PC	01/12/2015	6783895	Cước điện thoại tháng 11	1111	194 500	
PC	01/12/2015	6783905	Cước điện thoại tháng 11	1111	98 330	
PC	01/12/2015	6783906	Cước điện thoại tháng 11	1111	93 008	
PC	01/12/2015	6783908	Cước điện thoại tháng 11	1111	101 762	
PC	01/12/2015	6783913	Cước điện thoại tháng 11	1111	110 257	
PC	01/12/2015	6783929	Cước điện thoại tháng 11	1111	107 948	
PC	01/12/2015	6783930	Cước điện thoại tháng 11	1111	122 098	
PC	01/12/2015	6783931	Cước điện thoại tháng 11	1111	104 728	
PC	01/12/2015	6783932	Cước điện thoại tháng 11	1111	181 817	
PC	01/12/2015	6783935	Cước điện thoại tháng 11	1111	108 024	
PC	01/12/2015	6783940	Cước điện thoại tháng 11	1111	183 772	
PC	01/12/2015	6783941	Cước điện thoại tháng 11	1111	220 233	
PC	01/12/2015	6783944	Cước điện thoại tháng 11	1111	271 091	
PC	01/12/2015	6783948	Cước điện thoại tháng 11	1111	95 394	
PC	01/12/2015	6783956	Cước điện thoại tháng 11	1111	97 434	

PC	01/12/2015	6783964	Cước điện thoại tháng 11	1111	703 135	
PC	01/12/2015	6783980	Cước điện thoại tháng 11	1111	104 923	
PC	01/12/2015	6783986	Cước điện thoại tháng 11	1111	140 198	
...	...	...	...	...	...	...
BN	31/12/2015	593645	Phí dịch vụ SMS tháng 12/2015	1121	20,000	
BN	31/12/2015	68151	Phí dịch vụ tháng 12/2015	1121	740,300	
PK	31/12/2015	0012	Phân bổ tiền ăn ca tháng 12/2015	334	13,420,000	
PK	31/12/2015	L12	Phân bổ lương tháng 12/2015	334	73,615,382	
PK	31/12/2015	VAT66	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	9111		1,292,263,018
PK	31/12/2015	VAT66	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	9111		188,474,045
PK	31/12/2015	VAT66	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	9111		4,833,578,243
PK	31/12/2015	VAT66	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	9111		163,156,847
PK	31/12/2015	VAT69	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	9111		242,592,185
PK	31/12/2015	VAT81	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	9111		762,434,720
PK	31/12/2015	VAT69	Phân bổ khấu hao	2141	471,016,143	
PK	31/12/2015	VAT81	Phân bổ khấu hao	153	15,951,289	
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>1,516,195,313</b>	<b>7,483,046,258</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày... tháng... năm...

**Kế toán ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)

**Phu lục 5e: Bảng tính khấu hao tài sản**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG

SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CƠ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN***Từ tháng 12 đến tháng 12 năm 2015*

Mã TS	Tên tài sản	Ngày tính khấu hao	Tài sản cố định đầu kỳ (ĐẦU THÁNG 12)			Số tháng	Khấu hao trong kỳ	Tài sản cố định đầu kỳ (CUỐI THÁNG 12)		
			Nguyên giá	Hao mòn	Còn lại			Nguyên giá	Hao mòn	Còn lại
<b>01</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>		<b>57 372 528 254</b>	<b>14 076 684 573</b>	<b>43 295 843 681</b>		<b>471 016 143</b>	<b>57 372 528 254</b>	<b>14 547 700 716</b>	<b>42 824 827 538</b>
19A-009. 32	Xe ô tô KIA Morning Taxi /SK:022261 /SM:007271 BK&19A-009.32	01/12/2011	322 999 192	144 196 077	178 803 115	120	2 691 660	322 999 192	146 887 737	176 111 455
19A-009. 40	Xe ô tô KIA Morning Taxi /SK:0222266/SM:006882 BKS: 19A- 009.40	01/12/2011	322 999 192	144 196 077	178 803 115	120	2 691 660	322 999 192	146 887 737	176 111 455
19A-009. 41	Xe ô tô KIA Morning Taxi SK:022249/SM:007233 BKS: 19A-009.41	01/12/2011	322 999 192	144 196 077	178 803 115	120	2 691 660	322 999 192	146 887 737	176 111 455
19A-009. 42	Xe ô tô KIA Morning Taxi /SK:022265/SM:00946 BKS:19A-009.42	01/12/2011	322 999 192	144 196 077	178 803 115	120	2 691 660	322 999 192	146 887 737	176 111 455
19A-009. 43	Xe ô tô KIA Morning Taxi /SK:022272/SM:006872 BK&19A-009.43	01/12/2011	322 999 192	144 196 077	178 803 115	120	2 691 660	322 999 192	146 887 737	176 111 455
19A-009. 44	Xe ô tô KIA Morning Taxi /SK:022244/SM:006884 BKS: 19A- 009.44	01/12/2011	322 999 192	144 196 077	178 803 115	120	2 691 660	322 999 192	146 887 737	176 111 455
19A-009. 47	Xe ô tô KIA Morning Taxi /SK:022258/SM:006937 BKS: 19A-009.47	01/12/2011	322 999 192	144 196 077	178 803 115	120	2 691 660	322 999 192	146 887 737	176 111 455
19A-009. 49	Xe ô tô KIA Morning Taxi /SK:022230/SM:006886 BKS: 19A-009.49	01/12/2011	322 999 192	144 196 077	178 803 115	120	2 691 660	322 999 192	146 887 737	176 111 455
MCB	Máy cân chỉnh bơm nguyên liệu động cơ ô tô	01/09/2009	51 428 571	51 428 571		60		51 428 571	51 428 571	



MCDL	Máy chuẩn đoán lỗi các đồng xe KIA	01/08/2012	71 000 000	59 166 680	11 833 320	48	1 479 167	71 000 000	60 645 84	10 354 153
METL	Máy ép thủy lực 40 tấn – đồng hồ hiển thị	18/10/2010	14 500 000	12 375 679	2 124 321	72	201 389	14 500 000	12 577 068	1 922 932
MP2.5	Máy phát điện 2,5 KW	01/06/2010	10 600 000	8 328 606	2 271 394	84	126 191	10 600 000	8 454 797	2 145 203
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
MT12	Máy tính xách tay	01/08/2012	10 454 545	8 712 160	1 742 385	48	217 804	10 454 545	8 929 964	1 524 581
MVI.	Máy ra vào lớp ô tô	06/10/2010	14 090 909	14 090 909		60		14 090 909	14 090 909	
MVTHP	Máy vi tính xách tay HP	01/05/2012	12 990 909	11 637 692	1 353 217	48	270 644	12 990 909	11 908 336	1 082 573
MXT	Máy vi tính xách tay SONY VALO (giám đốc)	01/11/2011	17 181 818	17 181 818		48		17 181 818	17 181 818	
TBPS	Thiết bị phát sóng vô tuyến điện	26/11/2015	39 650 000	183 565	39 466 435	36	1 101 389	39 650 000	1 284 954	38 365 046
TTPS	Trung tâm phát sóng	01/02/2010	47 376 000	46 060 000	1 316 000	72	658 000	47 376 000	46 718 000	658 000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>57 372 528 254</b>	<b>14 076 684 573</b>	<b>43 295 843 681</b>		<b>471 016 143</b>	<b>57 372 528 254</b>	<b>14 547 700 716</b>	<b>42 824 827 538</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

*Ngày...tháng...năm....*

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)*

**PHU LUC 6: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015**

CÔNG TY TNHH TM NAM CƯỜNG  
SỐ 9 ĐƯỜNG LÊ ĐỒNG - P. VÂN CƠ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

Chi tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	293,802,515,810	163,835,559,994
2. Các khoản giảm trừ	02		0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )</b>	<b>10</b>		<b>293,802,515,810</b>	<b>163,835,559,994</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	267,382,650,378	142,502,737,921
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )</b>	<b>20</b>		<b>26,419,865,432</b>	<b>21,332,822,073</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	8,078,525	4,938,368
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5,566,225,833	5,068,208,040
Trong đó: lãi vay phải trả	23		5,566,225,833	5,068,208,040
8. Chi phí bán hàng	24		8,021,420,312	4,582,664,875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,483,046,258	8,580,556,163
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + ( 21- 22)- (24 + 25)]</b>	<b>30</b>		<b>5,357,251,554</b>	<b>3,106,331,363</b>
11. Thu nhập khác	31		791,818,183	4,210,272,728
12. Chi phí khác	32		615,798,194	4,300,430,695
<b>13. Lợi nhuận khác ( 40= 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>176,019,989</b>	<b>(90,157,967)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận trước thuế ( 50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>5,533,271,543</b>	<b>3,016,173,396</b>
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.30	1,217,319,739	663,558,147
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52	VI.30	0	0
<b>17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4,315,951,804</b>	<b>2,352,615,249</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám Đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Bộ phận kế toán Công ty TNHH TM Nam Cường)